

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**



**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành:** TOÁN KINH TẾ

**Mã số:** 7310108

**Tên cơ sở đào tạo:** ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019**

## MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Toán kinh tế	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Minh chứng về nhu cầu xã hội (Phiếu khảo sát) <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực</li><li>- Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động</li></ul>	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo</li><li>- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo</li><li>- Kết luận của Hội đồng thẩm định</li></ul>	

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
Tên ngành: TOÁN KINH TẾ; Mã số: **7310108**  
Trình độ đào tạo: Đại học

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Trong xu thế hội nhập, việc sử dụng các công cụ định lượng với hàm lượng kiến thức Toán học cao, cùng các kỹ thuật tin học hiện đại đang ngày càng phổ biến ở hầu hết các lĩnh vực, các ngành cũng như các cấp quản lý kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế – xã hội.

Trên thế giới việc đào tạo đại học và sau đại học Toán ứng dụng trong kinh tế (gọi tắt là Toán kinh tế) cũng được tổ chức theo nhiều cách khác nhau với nhiều tên gọi khác nhau như Kinh tế định lượng, Toán kinh tế (hay Kinh tế toán), Kinh tế lượng. Các chuyên ngành có tính ứng dụng cụ thể, chuyên sâu hơn cũng đã hình thành trong những năm cuối thế kỷ 20 ở các nước như Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và Tài chính.

Ngày nay Toán ứng dụng trong kinh tế với nhiều hướng chuyên sâu đang ngày càng trở nên cần thiết trong nhiều lĩnh vực khác nhau của kinh tế xã hội. Toán kinh tế hay ứng dụng toán học trong kinh tế – xã hội không chỉ cần thiết ở mức sử dụng các kết quả sẵn có từ các nghiên cứu toán học thuần túy. Toán kinh tế đã khẳng định một cách tiếp cận nghiên cứu kinh tế xã hội với nhiều ưu điểm từ việc vận dụng các phương pháp mô hình hóa, các phương pháp phân tích hệ thống, các phương pháp thống kê toán và kinh tế lượng, các phương pháp mô phỏng và ứng dụng hệ Neron,... Nhiều phần mềm tin học chuyên dụng hỗ trợ nghiên cứu, thực hành đã phát triển riêng cho các nghiên cứu trong việc vận dụng toán trong kinh tế xã hội, trong đó có hai nhóm quan trọng là các phần mềm mô hình hóa và phân tích dữ liệu.

Trong giai đoạn hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Industry 4.0), ngành Toán kinh tế càng trở nên cần thiết. Xét đến yêu cầu đặc thù đối với ngành Toán kinh tế thì Bình Dương là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 13,6%/năm thời kỳ 2006-2010. GDP bình quân đầu người tăng lên đáng kể, đạt 27,4 triệu đồng, tăng 1,9 lần so với năm 2005. Là tỉnh năng động về kinh tế; thu hút nhiều về đầu tư nước ngoài; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cao hàng đầu cả nước.

Bình Dương có 28 khu công nghiệp đang hoạt động, đã thu hút trên 8.500 dự án đầu tư, trong đó có trên 2.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 11 triệu USD. Vì vậy, nhu cầu về lao động nghề hàng năm của các doanh nghiệp ở Bình Dương rất cao. Mỗi năm Bình Dương đã thu hút từ 400-500 dự án đầu tư trong và ngoài nước; tổng nhu cầu lao động của các thành phần kinh tế từ 30.000 đến 40.000 lao động/năm. Trong đó, nhu cầu về nhân lực có trình độ đại học trở lên đến năm 2015 có tỷ lệ 4,6% trong tổng số nhu cầu lao động hàng năm (trương đương với trung bình hàng năm từ 1380 đến 1840 người); và đến năm 2020 là 4,1%

(tương đương với trung bình hàng năm từ 1230 đến 1640 người) trong tổng số nhu cầu lao động hàng năm. Năm điểm chủ đạo trong kế hoạch Bình Dương 2016 – 2020 nhằm phát triển tỉnh trở thành đô thị văn minh, hiện đại: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; qui hoạch đô thị văn minh hiện đại, phát triển dịch vụ hàm lượng chất xám cao, hướng đến công nghiệp công nghệ cao; huy động nhiều nguồn lực phát triển; nâng thương hiệu Bình Dương lên tầm cao mới trên trường quốc tế. Từ đó, có thể thấy nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn tới.

Xuất phát phân tích những nhu cầu trên, trường Đại học Thủ Dầu Một mở ngành đào tạo Toán kinh tế tại trường Đại học Thủ Dầu Một phù hợp với quy hoạch nhân lực ngành kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia theo như “Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020” đã được Thủ chính Chính phủ ký Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế trường Đại học Thủ Dầu Một có sự tham khảo với các chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), ngành Toán kinh tế của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, ngành Toán Kinh tế của Đại học Kinh tế quốc dân, ngành Toán kinh tế của trường National university of Ireland Galway. Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế được xây dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 17 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 41 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 43 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp 19 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 15 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m<sup>2</sup>; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m<sup>2</sup>; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m<sup>2</sup>; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành Toán kinh tế mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

## **2. Kết luận và đề nghị**

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực

Tự động hóa. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Toán kinh tế phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

*Bình Dương, ngày tháng năm 2020*

## **BIÊN BẢN**

### **HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học

Ngành đào tạo:

Mã ngành:

#### **I. Thời gian và địa điểm**

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày tháng năm

- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

#### **II. Thành phần tham dự**

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp - Chủ tịch Hội đồng Trường

- PGS.TS. Hoàng Trọng Quyền, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên

- TS. Ngô Hồng Điệp, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên

- TS. Nguyễn Thị Nhật Hằng, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên

- PGS.TS. Lê Tuấn Anh, Phó Hiệu trưởng - Ủy viên

- ThS. Lê Thị Kim Út, Trưởng phòng Đào tạo Đại học - Thư ký

- và 21 thành viên Hội đồng Khoa học theo Quyết định số 1324/QĐ - ĐHTDM ngày 30/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

#### **III. Nội dung**

##### **1) Tuyên bố lý do**

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**.

##### **2) Thông qua nội dung và ý kiến**

ThS. Nguyễn Thị Lưu An, báo cáo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Âm nhạc. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực

tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của TT22, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Bổ sung một số môn học mang tính hiện đại, theo hướng tích hợp.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(ký, ghi rõ họ tên)

**THƯ KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên)

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHTDM ngày ... tháng ... năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

<b>Tên chương trình:</b>	Toán kinh tế
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Cử nhận Toán kinh tế
<b>Mã ngành:</b>	7310108
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy
<b>Khóa:</b>	2020 – 2024

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chương trình (POs)

Ngành đào tạo Toán kinh tế đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về toán kinh tế; có nền tảng tư duy cũng như tri thức để hiểu và vận dụng giải quyết được các vấn đề trong thực tế đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đang trong xu thế hội nhập và phát triển; có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội.

- **Giai đoạn 1:** Giảng dạy các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở liên ngành, giúp sinh viên có nhìn tổng quan về các chuyên ngành gần, định hướng cho sinh viên cho chuyên ngành trong giai đoạn tiếp theo.

- **Giai đoạn 2:** Giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Toán kinh tế. Sinh viên phải đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và vận dụng được các kiến thức chuyên ngành vào công việc sau này.

Cụ thể:

TT	Nội dung
1	PO1: Sử dụng thành thạo kiến thức chuyên ngành Toán kinh tế vào công việc tương ứng.
2	PO2: Thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong công việc và đạo đức nghề nghiệp.
3	PO3: Theo đuổi học tập suốt đời để nâng cao năng lực chuyên môn, sáng tạo đổi mới, đóng góp cho sự phát triển của Bình Dương nói riêng và xã hội nói chung.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra (ELOs)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể:



Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình Thứ tự Nội dung
Elo1-T	Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng</b> trong phạm vi của ngành đào tạo.</li> <li>- <b>Kiến thức cơ bản</b> về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</li> </ul>	<p>ELO3 Vận dụng kiến thức các môn chuyên ngành để có thể tự nghiên cứu, thiết kế các ý tưởng, mô hình phù hợp với các yêu cầu.....</p> <p>ELO1 Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật và sự hiểu biết các vấn đề đương đại để giải quyết các vấn đề liên quan đến Toán kinh tế</p> <p>ELO2 Phân tích vấn đề, nhận diện và xác định các yêu cầu tính toán phù hợp và giải quyết vấn đề đó một cách có căn cứ khoa học.</p>
Elo2-T	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức về công nghệ thông tin</b> đáp ứng yêu cầu công việc.</li> <li>- <b>Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát</b> các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</li> <li>- <b>Kiến thức cơ bản</b> về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</li> <li>- <b>Kỹ năng cần thiết để có thể</b> giải quyết các vấn đề phức tạp.</li> <li>- <b>Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp</b>, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</li> </ul>	<p>ELO8 Nghiên cứu, phát triển, sử dụng thành thạo các kỹ thuật công nghệ mới trong chuyên ngành</p> <p>ELO6 Ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết hiệu quả các vấn đề trong kinh doanh</p> <p>ELO4 Có khả năng tham gia hoặc lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả và nối kết các bên liên quan.</p>

Elo3-T	Mức tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kỹ năng phản biện, phê phán</b> và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</li> </ul>	ELO7	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo, giải quyết vấn đề trong chuyên ngành
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kỹ năng đánh giá</b> chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</li> <li>- <b>Kỹ năng truyền đạt</b> vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</li> <li>- <b>Có năng lực</b> ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</li> </ul>	ELO5	Sử dụng các phương tiện giao tiếp, đa phương tiện, đa văn hóa, ngoại ngữ một cách hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm</b> trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</li> <li>- <b>Hướng dẫn, giám sát</b> những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</li> </ul>	ELO9	Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm công dân.
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tự định hướng</b>, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> <li>- <b>Lập kế hoạch</b>, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</li> </ul>	ELO10	Thể hiện động cơ tự học tập, tự nghiên cứu và tinh thần khởi nghiệp.

**Bảng 1: Sự tương thích giữa ELOs và Mục tiêu chương trình đào tạo**

<b>PO1</b>	ELO 1, 2, 3	ELO 4, 5, 6, 7, 8	
<b>PO2</b>			ELO 9
<b>PO3</b>			ELO 10

**Bảng 2: Bảng phân loại ELOs**

ELOs	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10
Giai đoạn 1	X	X		X			X		X	X
Giai đoạn 2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**1.3. Cơ hội việc làm:**

Cử nhân Toán kinh tế có thể đảm nhiệm các công việc sau:

- Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro cho các công ty, các tập đoàn kinh tế, các công ty bảo hiểm.
- Chuyên viên định chế tài chính trong Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty chứng khoán,...
- Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách.
- Giảng viên các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế.
- Tự xây dựng và điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty liên quan tài chính, bảo hiểm.

Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có khả năng học Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước.

**1.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:** Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường.

**1.5. Bằng cấp:** Cử nhân.

**2. Thời gian đào tạo:** 8 học kỳ.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 120 tín chỉ.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong đợt tuyển sinh của trường Đại học Thủ Dầu Một.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

**6. Thang điểm:** Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

**7. Nội dung chương trình:**

**Cấu trúc chương trình đào tạo**

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Toán kinh tế		
				Kiến thức cơ sở liên ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập, thực tế và làm khóa luận/báo cáo tốt nghiệp
Đại học	8 học kỳ	120	17	41	43	19
			<b>GIẢI ĐOẠN I</b>		<b>GIẢI ĐOẠN II</b>	

## GIAI ĐOẠN I

### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 17 TC (Bắt buộc: 15 TC, Tự chọn: 02 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Nhập môn NCKH	2	0	30	60	90	x				1	
2	Tư duy biện luận - sáng tạo	2	0	30	60	90	x				1	
<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	<b>180</b>						
3	Triết học Mác - Lênin	3	0	45	90	135	x				2	
4	Tâm lý học	2	0	30	60	90		x			2	
5	Logic học	2	0	30	60	90		x			2	
6	Xã hội học	2	0	30	60	90		x			2	
7	Lịch sử kinh tế Việt Nam và thế giới	2	0	30	60	90		x			2	
8	Cơ sở lập trình – Thực hành cơ sở lập trình	2	0	30	60	90		x			2	
<b>Tổng</b>		<b>5</b>	<b>0</b>	<b>75</b>	<b>150</b>	<b>225</b>						
8	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	x				3	
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x				3	
<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	<b>180</b>						
10	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x				4	
11	Tư tưởng	2	0	30	60	90	x				4	

	Hồ Chí Minh											
<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	<b>180</b>						
<b>TỔNG</b>		<b>17</b>	<b>0</b>	<b>255</b>	<b>510</b>	<b>765</b>						

**7.2. Kiến thức cơ sở liên ngành: 41 TC (Bắt buộc: 36 TC, Tự chọn: 05 TC)**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Nhập môn ngành Toán kinh tế	2	0	30	60	90	x				1	
2	Toán cao cấp C1	2	0	30	60	90	x				1	
3	Pháp luật đại cương	3	0	45	90	135	x				1	
4	Kinh tế vi mô	3	0	45	90	135	x				1	
5	Kinh tế vĩ mô	3	0	45	90	135	x				1	
<b>Tổng</b>		<b>13</b>	<b>0</b>	<b>195</b>	<b>390</b>	<b>585</b>						
6	Toán cao cấp C2	2	0	30	60	90	x				2	
7	Quản trị học	3	0	45	90	135	x				2	
8	Nguyên lý tài chính - tiền tệ	3	0	45	90	135	x				2	
9	Nguyên lý kế toán	3	0	45	90	135	x				2	
<b>Tổng</b>		<b>11</b>	<b>0</b>	<b>165</b>	<b>330</b>	<b>495</b>						
10	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	0	45	90	135	x				3	

	Toán											
11	Marketing căn bản	2	0	30	60	90	x				3	
12	Quản trị tài chính	2	0	30	60	90		x			3	
13	Tài chính doanh nghiệp	2	0	30	60	90		x			3	
14	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0	45	90	135		x			3	
15	Thanh toán quốc tế	3	0	45	90	135		x			3	
<b>Tổng</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>300</b>	<b>450</b>						
16	Luật kinh tế	2	0	30	60	90	x				4	
17	Quản trị Marketing	2	0	30	60	90	x				4	
18	Tiếng Anh thương mại	3	0	45	90	135	x				4	
<b>Tổng</b>		<b>7</b>	<b>0</b>	<b>105</b>	<b>210</b>	<b>315</b>						
<b>TỔNG</b>		<b>41</b>	<b>0</b>	<b>615</b>	<b>1230</b>	<b>1845</b>						

## GIAI ĐOẠN II

### 7.3 Kiến thức chuyên ngành: 43 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 06 TC)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Data Visualization	2	0	30	60	90	x				4	
<b>Tổng</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>90</b>						
2	Giải tích phức	3	0	45	90	135	x				5	
3	Toán rời rạc	3	0	45	90	135	x				5	
4	Tối ưu hóa	3	0	45	90	135	x				5	

5	Một số phương pháp Toán học	3	0	45	90	135	x				5	
<b>Tổng</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	<b>360</b>	<b>540</b>						
6	Nhóm	3	0	45	90	135	x				6	
7	Topo	3	0	45	90	135	x				6	
8	Thống kê nhiều chiều	3	0	45	90	135	x				6	
9	Lý thuyết độ đo	3	0	45	90	135	x				6	
10	Giải tích số	3	0	45	90	135	x				6	
11	Toán tài chính	3	0	45	90	135	x				6	
<b>Tổng</b>		<b>18</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	<b>540</b>	<b>810</b>						
12	Kinh tế lượng	3	0	45	90	135	x				7	
13	Phân tích chuỗi thời gian	2	0	30	60	90	x				7	
14.1	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	3	0	45	90	135		x			7	
14.2	Lập trình thống kê	3	0	45	90	135		x			7	
15.1	Thống kê Bayes	3	0	45	90	135		x			7	
15.2	Phân tích dữ liệu Bayes	3	0	45	90	135		x			7	
16.1	Lý thuyết trò chơi	3	0	45	90	135		x			7	
16.2	Mô hình toán kinh tế	3	0	45	90	135		x			7	
17.1	Phương pháp tối ưu và học máy	3	0	45	90	135		x			7	
17.2	Phân tích dữ liệu mạng	3	0	45	90	135		x			7	
<b>Tổng</b>		<b>11</b>	<b>0</b>	<b>165</b>	<b>330</b>	<b>495</b>						
<b>TỔNG</b>		<b>43</b>	<b>0</b>	<b>645</b>	<b>1290</b>	<b>1935</b>						

#### 7.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp: 19 TC (Bắt buộc: 19 TC)

TT	Tên học	Số tín	Số giờ	Loại	Điều kiện	Học	Đ	Đ	Đ
----	---------	--------	--------	------	-----------	-----	---	---	---

	phần	chỉ					học phần					
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành		
1	Thực tập doanh nghiệp 1	0	2	60	30	90	x				3	
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>2</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>90</b>						
2	Thực tập doanh nghiệp 2	0	3	90	45	135	x				5	
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>3</b>	<b>90</b>	<b>45</b>	<b>135</b>						
3	Thực tập doanh nghiệp 3	0	4	120	60	180	x				7	
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>60</b>	<b>180</b>						
4	Thực tập tốt nghiệp	0	5	150	75	225	x				8	
5	Khóa luận tốt nghiệp/ Báo cáo tốt nghiệp	0	5	150	75	225	x				8	
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>10</b>	<b>300</b>	<b>150</b>	<b>450</b>						
<b>TỔNG</b>		<b>0</b>	<b>19</b>	<b>570</b>	<b>285</b>	<b>855</b>						

## 8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ	Elos	Giai đoạn
		Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song hành			
<b>Học kỳ 1: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>													
1	Nhập môn	2	0	30	60	90	x				1		1



	NCKH											
2	Tư duy biện luận - sáng tạo	2	0	30	60	90	x				1	1
3	Nhập môn ngành Toán kinh tế	2	0	30	60	90	x				1	1
4	Toán cao cấp C1	2	0	30	60	90	x				1	1
5	Pháp luật đại cương	3	0	45	90	135	x				1	1
6	Kinh tế vi mô	3	0	45	90	135	x				1	1
7	Kinh tế vĩ mô	3	0	45	90	135	x				1	1
<b>Tổng</b>		<b>17</b>	<b>0</b>	<b>255</b>	<b>510</b>	<b>765</b>						
<b>Học kỳ 2: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 02 TC)</b>												
8	Triết học Mác - Lênin	3	0	45	90	135	x				2	1
9	Tâm lý học	2	0	30	60	90		x			2	1
10	Logic học	2	0	30	60	90		x			2	1
11	Xã hội học	2	0	30	60	90		x			2	1
12	Lịch sử kinh tế Việt Nam và thế giới	2	0	30	60	90		x			2	1
13	Cơ sở lập trình – Thực hành cơ sở lập trình	2	0	30	60	90		x			2	1
14	Toán cao cấp C2	2	0	30	60	90	x				2	1
15	Quản trị học	3	0	45	90	135	x				2	1
16	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	0	45	90	135	x				2	1
17	Nguyên lý kế toán	3	0	45	90	135	x				2	1
<b>Tổng</b>		<b>16</b>	<b>0</b>	<b>240</b>	<b>480</b>	<b>720</b>						
<b>Học kỳ 3: 16 TC (Bắt buộc: 11 TC; Tự chọn: 05 TC)</b>												
18	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	x				3	1
19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	x				3	1

20	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán	3	0	45	90	135	x				3		1
21	Marketing căn bản	2	0	30	60	90	x				3		1
22	Quản trị tài chính	2	0	30	60	90		x			3		1
23	Tài chính doanh nghiệp	2	0	30	60	90		x			3		1
24	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	0	45	90	135		x			3		1
25	Thanh toán quốc tế	3	0	45	90	135		x			3		1
26	Thực tập doanh nghiệp 1	0	2	60	30	90	x				3		
<b>Tổng</b>		<b>14</b>	<b>2</b>	<b>270</b>	<b>450</b>	<b>720</b>							

**Học kỳ 4: 13 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 00 TC)**

27	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	x				4		1
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	x				4		1
29	Luật kinh tế	2	0	30	60	90	x				4		1
30	Quản trị Marketing	2	0	30	60	90	x				4		1
31	Tiếng Anh thương mại	3	0	45	90	135	x				4		1
32	Data Visualization	2	0	30	60	90	x				4		2
<b>Tổng</b>		<b>13</b>	<b>0</b>	<b>195</b>	<b>390</b>	<b>585</b>							

**Học kỳ 5: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 00 TC)**

33	Giải tích phức	3	0	45	90	135	x				5		2
34	Toán rời rạc	3	0	45	90	135	x				5		2
35	Tối ưu hóa	3	0	45	90	135	x				5		2
36	Một số phương pháp Toán học	3	0	45	90	135	x				5		2
37	Thực tập doanh nghiệp	0	3	90	45	135	x				5		2

	2												
<b>Tổng</b>		<b>12</b>	<b>3</b>	<b>270</b>	<b>405</b>	<b>675</b>							
<b>Học kỳ 6: 18 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 00 TC)</b>													
38	Nhóm	3	0	45	90	135	x					6	2
39	Topo	3	0	45	90	135	x					6	2
40	Thống kê nhiều chiều	3	0	45	90	135	x					6	2
41	Lý thuyết độ đo	3	0	45	90	135	x					6	2
42	Giải tích số	3	0	45	90	135	x					6	2
43	Toán tài chính	3	0	45	90	135	x					6	2
<b>Tổng</b>		<b>18</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	<b>540</b>	<b>810</b>							
<b>Học kỳ 7: 15 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 06 TC)</b>													
44	Kinh tế lượng	3	0	45	90	135	x					7	2
45	Phân tích chuỗi thời gian	2	0	30	60	90	x					7	2
46.1	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	3	0	45	90	135		x				7	2
46.2	Lập trình thông kê	3	0	45	90	135		x				7	2
47.1	Thống kê Bayes	3	0	45	90	135		x				7	2
47.2	Phân tích dữ liệu Bayes	3	0	45	90	135		x				7	2
48.1	Lý thuyết trò chơi	3	0	45	90	135		x				7	2
48.2	Mô hình toán kinh tế	3	0	45	90	135		x				7	2
49.1	Phương pháp tối ưu và học máy	3	0	45	90	135		x				7	2
49.2	Phân tích dữ liệu mạng	3	0	45	90	135		x				7	2
50	Thực tập doanh nghiệp 3	0	4	120	60	180	x					7	2
<b>Tổng</b>		<b>11</b>	<b>4</b>	<b>285</b>	<b>390</b>	<b>675</b>							
<b>Học kỳ 8: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 00 TC)</b>													

51	Thực tập tốt nghiệp	0	5	150	75	225	x				8		2
52	Khóa luận tốt nghiệp/ Báo cáo tốt nghiệp	0	5	150	75	225	x				8		2
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>10</b>	<b>300</b>	<b>150</b>	<b>450</b>							
<b>TỔNG</b>		<b>101</b>	<b>19</b>	<b>2085</b>	<b>3315</b>	<b>5400</b>							

### 9. Tổng quát:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Số giờ			Loại học phần				
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tiếp	Tương tác không trực tiếp	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn			
<b>TỔNG</b>			<b>101</b>	<b>19</b>	<b>2085</b>	<b>3315</b>	<b>5400</b>					

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ 1**  
**GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số ..... ngày.....tháng .....năm...):...
- Các nội dung kiểm tra:

**1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở**

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
Ngành Toán Kinh tế						
1	Võ Viết Trí, 1966, trưởng khoa Công nghệ Thực phẩm.	Tiến sỹ, Việt Nam, 2016.	Toán giải tích.	-1989-1997: THPT Huỳnh Văn Nghệ -1997-2001: THPT chuyên Hùng Vương -2001-2007: THPT Phước Vĩnh -2010- hiện tại: ĐH Thủ Dầu Một		
2	Nguyễn Thị Kim Ngân, 08/01/1983, giám đốc chương trình Toán Kinh tế.	Tiến sỹ, Pháp, 2020.		2014-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
3	Mai Quang Vinh, 1983, giảng viên.	Tiến sỹ, Ireland, 2020.	Toán ứng dụng.	9/2005-9/2010: trường ĐH An Giang. 10/2010-hiện tại:		

1 Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

				trường ĐH Thủ Dầu Một.		
4	Trần Thanh Phong, 19/10/1981, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2011.	Hình học-Tôpô.	9/2003-8/2012: Trường THPT thuộc Sở giáo dục và Đào tạo Tỉnh Tây Ninh. 8/2011-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
5	Ngô Lê Hồng Phúc, 15/08/1981, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2008.	Đại số và lý thuyết số.	1/2010-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
6	Nguyễn Minh Điện, 18/06/1981, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2010.	Toán giải tích	2010-8/2012: trường ĐH Tôn Đức Thắng. 9/2012-9/2015: trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương. 10/2015-hiện tại: ĐH Thủ Dầu Một.		NCS trong nước .
7	Lê Quang Long, 12/04/1983, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2010.	Đại số và lý thuyết số.	10/2010-hiện tại: ĐH Thủ Dầu Một.		NCS trong nước .
8	Nguyễn Vũ Vân Trang, 23/03/1983, giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2010.	Đại số và lý thuyết số.	2003-2010: trường THCS Ngô Văn Nhạc – Cái Bè – Tiền Giang. 2010-2016: trường Trung cấp nghề KV Gò Công-Tiền Giang. 2016-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
9	Nguyễn Thị Khánh Hòa, 13/12/1984, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2009.	Đại số và Lý thuyết số.	10/2007-10/2008: trường ĐH Quy Nhơn. 10/2008-12/2012: trường CĐ Công		

				ngành Tuy Hòa-Phú Yên. 1/2013-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
10	Huỳnh Ngọc Diễm, 13/8/1987, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2012.	Đại số và Lý thuyết số.	06/2011-hiện tại: ĐH Thủ Dầu Một.		
11	Lê Thị Thu, 01/05/1987, giảng viên	Thạc sỹ, Belarus, 2010.	Toán ứng dụng.	12/2010 -06/2011: trường CĐ Tài nguyên và Môi trường TP. HCM. 6/2011-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
12	Nguyễn Thị Linh, 1988, giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam, 2013.	Toán giải tích.	9/2015-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
13	Dương Thanh Huyền, 14/11/1990, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015.	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán.	6/2011-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
14	Bùi Thị Ngọc Hân, 5/7/1988, giảng viên.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2014.	Toán giải tích.	6/2011-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		
15	Huỳnh Văn Hiều, 11/05/1991, giảng viên/thư ký chương trình.	Thạc sỹ, Việt Nam, 2018.	Xác suất thống kê.	3/2018-hiện tại: trường ĐH Thủ Dầu Một.		

## 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

### 2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )		

	<i>tính...)</i>								
1	Phòng học 20 - 30 chỗ ngồi	05	300	Projector	1	Học phần lý thuyết	300		
2	Phòng học 44 - 60 chỗ ngồi	71	7000	Projector Loa, âm ly	1	Học phần lý thuyết	7000		
3	Phòng học 66 - 86 chỗ ngồi	18	4000	Projector Loa, âm ly	1	Học phần lý thuyết	4000		
4	Phòng học 96 - 126 chỗ ngồi	12	3600	Projector Loa, âm ly	1	Học phần lý thuyết	3600		
5	Giảng đường 156 - 250 chỗ ngồi	05	2000	Projector Loa, âm ly	1	Học phần lý thuyết	2000		
6	Hội trường đa năng - 450 chỗ ngồi	1	900	Projector Loa, âm ly	1	Học phần lý thuyết	900		
8	Phòng máy tính	5	300	Máy vi tính	264	Thực hành tin học ứng dụng trong vật lý	300		
29				Máy tính xách tay	22				
30				Màn hình	66				
31				Đầu Video-CD	10				
32				Projector	100				
33				Micro không dây, loa	70				

## 2.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1,980 m<sup>2</sup>; Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 34

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0.

- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn.

- Số lượng sách, giáo trình điện tử:

▪ Tài liệu dạng giấy: 20.700.

▪ Tài liệu điện tử: 26.000 (trong đó, sách: 4.832, bài báo tạp chí: 20.365, các loại khác: 803).

## 2.3. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Giáo trình pháp	Nguyễn Thị	NXB	2008	5	Pháp luật đại	Đúng	



	luật đại cương	Hồng Nhung	Giáo dục			cương	với hồ sơ	
2	Giáo trình kinh tế vi mô	Phí Mạnh Hồng	NXB ĐHQG HN	2014	5	Kinh tế vi mô	Đúng với hồ sơ	
3	Giáo trình kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Công (chủ biên)	NXB Giáo Dục	2008	5	Kinh tế vĩ mô	Đúng với hồ sơ	
4	Nhập môn ngành toán tài chính	Nguyễn Tiến Dũng, Đỗ Đức Thái	Ebook	2014	5	Nhập môn ngành Toán kinh tế	Đúng với hồ sơ	
5	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (Phần 2: Giải tích toán học)	Lê Đình Thúc	NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2012	5	Toán cao cấp C1	Đúng với hồ sơ	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đông Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An	NXB Lao Động-Xã Hội	2012	5	Nhập môn NCKH	Đúng với hồ sơ	
7	Tư duy biện luận ứng dụng	Dương Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Xuân Đạt	NXB ĐH QG TP HCM	2014	5	Tư duy biện luận - sáng tạo	Đúng với hồ sơ	
8	Giáo trình quản trị học	Nguyễn Xuân Điền, Đỗ Công Nông, Nguyễn Xuân Đại	NXB Tài Chính	2014	5	Quản trị học	Đúng với hồ sơ	
9	Giáo trình lý thuyết tài chính-tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài (chủ biên)	NXB Thống Kê	2002	5	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	Đúng với hồ sơ	
10	Giáo trình nguyên lý kế toán	Đoàn Quang Thiệu	NXB Tài Chính	2008	5	Nguyên lý kế toán	Đúng với hồ sơ	
11	Những nguyên lý cơ bản của chủ	Tập thể tác giả	NXB	2009	5	Triết học Mác – Lênin	Đúng với hồ	

	nghĩa Mác-Lênin		chính trị quốc gia				sơ	
12	Toán học cao cấp Tập 1- Đại số và hình học giải tích	Nguyễn Đình Trí (chủ biên)	NXB Giáo Dục	2010	5	Toán cao cấp C2	Đúng với hồ sơ	
13	Giáo trình tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	NXB ĐH Sư Phạm	2014	5	Tâm lý học	Đúng với hồ sơ	
14	Giáo trình Nhập môn logic học	Tập thể tác giả	NXB Giáo Dục	2010	5	Logic học	Đúng với hồ sơ	
15	Giáo trình xã hội học	Nguyễn Văn Sanh	NXB Tài Chính	2014	5	Xã hội học	Đúng với hồ sơ	
16	Giáo trình kinh tế Việt Nam	Tập thể tác giả	NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2014	5	Lịch sử kinh tế Việt Nam và thế giới	Đúng với hồ sơ	
17	Giáo trình Kỹ thuật lập trình 1	Đặng Quế Vinh	NXB Thống Kê	2005	5	Cơ sở lập trình- Thực hành cơ sở lập trình	Đúng với hồ sơ	
18	Lý thuyết xác suất thống kê	Lê Khánh Luận	NXB ĐHQG TP. HCM	2013	5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đúng với hồ sơ	
19	Marketing căn bản	Tập thể tác giả	NXB Lao Động	2010	5	Marketing căn bản	Đúng với hồ sơ	
20	Giáo trình kinh tế chính trị Mác- Lênin	Tập thể tác giả	NXB Chính trị Quốc gia-Sự thật	2012	5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đúng với hồ sơ	
21	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học	Tập thể tác giả	NXB Chính trị Quốc gia-Sự thật	2006	5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đúng với hồ sơ	

22	Giáo trình quản trị tài	Nguyễn Thị Phương Liên	NXB Thống Kê	2007	5	Quản trị tài chính	Đúng với hồ sơ	
23	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân (chủ biên)	NXB Tài Chính	2013	5	Tài chính doanh nghiệp	Đúng với hồ sơ	
24	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Bình	NXB ĐH QG TP HCM	2014	5	Phân tích hoạt động kinh doanh	Đúng với hồ sơ	
25	Giáo trình thanh toán quốc tế	Trần Hoàng Ngân	NXB Kinh Tế Tp HCM	2010	5	Thanh toán quốc tế	Đúng với hồ sơ	
26	Giáo trình luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	NXB Công An Nhân Dân	2015	5	Luật kinh tế	Đúng với hồ sơ	
27	Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Tập thể tác giả	NXB Chính Trị Quốc Gia-Sự Thật	2018	5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tập thể tác giả	NXB chính trị quốc gia	2009	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đúng với hồ sơ	
29	Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2013	5	Quản trị Marketing	Đúng với hồ sơ	
30	Essential Business Grammar Builder	Paul Emmerson	Macmillan	2015	5	Tiếng Anh thương mại	Đúng với hồ sơ	
31	The Right Chart for the Right Data	Stephanie D. H. Evergreen	SAGE Publications, Inc.	2017	5	Data Visualization	Đúng với hồ sơ	
32	Hàm biến phức	Nguyễn	NXB	2009	5	Giải tích phức	Đúng	

		Văn Khuê, Lê Mậu Hải	ĐHQG HN				với hồ sơ	
33	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành	NXB ĐHQG Hà Nội	2009	5	Toán rời rạc	Đúng với hồ sơ	
34	Lý thuyết - Bài tập - Bài giải quy hoạch tuyến tính (tối ưu hóa)	Lê Khánh Luận	NXB TP. HCM	2008	5	Tối ưu hóa	Đúng với hồ sơ	
35	Giáo trình giải tích hàm một biến	Nguyễn Đình Phur, Nguyễn Công Tâm, Đình Ngọc Thanh, Đặng Đức Trọng	NXB ĐHQG TP.HC M	2012	5	Một số phương pháp toán học	Đúng với hồ sơ	
36	Đại số đại cương	Hoàng Xuân Sính	NXB Giáo Dục	2008		Nhóm	Đúng với hồ sơ	
37	Tô pô đại cương	Nông Quốc Chinh	NXB ĐH Sư Phạm	2008		Topo	Đúng với hồ sơ	
38	Giáo trình thống kê thực hành	Nguyễn Văn Thứ	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2005		Thống kê nhiều chiều	Đúng với hồ sơ	
39	Hàm số biến số thực	Nguyễn Định	NXB Giáo Dục	2007	5	Lý thuyết độ đo	Đúng với hồ sơ	
40	Giải tích số	Phạm Kỳ Anh	NXB ĐHQG HN	2005	5	Giải tích số	Đúng với hồ sơ	
41	Toán tài chính: hệ thống lý thuyết- bài tập-bài giải	Bùi Hữu Phước	NXB Phuong Đông	2012	5	Toán tài chính	Đúng với hồ sơ	
42	Giáo trình Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật (chủ biên)	NXB ĐHQG TP. HCM	2019	5	Kinh tế lượng - Mô hình hồi quy ứng dụng	Đúng với hồ sơ	

43	Nhập môn Kinh tế lượng	Jeffrey M. Wooldridge (Trần Thị Tuấn Anh chủ biên dịch)	NXB Kinh tế Tp.HC M	2017	5	Phân tích chuỗi thời gian	Đúng với hồ sơ
44	Information Systems for Business and Beyond	David T. Bourgeois	Online. <a href="https://open.uconn.edu/opentextbooks/textbooks/189">https://open.uconn.edu/opentextbooks/textbooks/189</a>	2014		Hệ thống thông tin trong kinh doanh	Đúng với hồ sơ
45	Think Stats: Probability and Statistics for Programmers	Allen B. Downey	Online. <a href="http://www.greenteapress.com/thinkstats/thinkstats.pdf">http://www.greenteapress.com/thinkstats/thinkstats.pdf</a>	2011		Lập trình thống kê	Đúng với hồ sơ
46	An introduction to Bayesian Statistics	Brendon J. Brewer	Online. <a href="https://www.stat.auckland.ac.nz/~brewer/stats331.pdf">https://www.stat.auckland.ac.nz/~brewer/stats331.pdf</a>	2009		Thống kê Bayes	Đúng với hồ sơ
47	An introduction to Bayesian analysis: Theory and Methods	Jayanta K. Ghosh, Mohan Delampady, Tapas Samanta	Springer, New York, NY	2006	5	Phân tích dữ liệu Bayes	Đúng với hồ sơ
48	Game Theory for Applied Economists.	Robert	Princeton Univers	1992		Lý thuyết trò chơi (3)	Đúng với hồ sơ

		Gibbons	ity Press				
49	Economic Dynamics: Study Edition	Giancarlo Gandolfo	Springer-Verlag	2005	5	Mô hình toán kinh tế (3)	Đúng với hồ sơ
50	Machine Learning cơ bản	Vũ Hữu Tiệp	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2020	5	Phương pháp tối ưu và học máy (3)	Đúng với hồ sơ
51	Econometric Analysis of Panel Data (Third Edition)	Badi H. Baltagi	John Wiley & Sons, Ltd.	2005	3	Phân tích dữ liệu mảng (3)	Đúng với hồ sơ

#### 2.4. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1.	Bài tập quy hoạch tuyến tính	Trần, Đình Ánh	Giáo dục, 2007	5		Đúng với hồ sơ	
2.	Toán học cao cấp	Nguyễn, Đình Trí (chủ biên)	Giáo dục, 2008	5		Đúng với hồ sơ	
3.	Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học	Kenneth H. Rosen	Lao động, 2010	5		Đúng với hồ sơ	
4.	Bài tập lý thuyết thống kê	Hà, Văn Sơn	Đại học Kinh tế TP.HCM, 2005	10		Đúng với hồ sơ	
5.	Quy hoạch tuyến tính với phương pháp nón xoay	Nguyễn, Anh Tuấn	Giáo dục Việt Nam, 2012	10		Đúng với hồ sơ	
6.	Mở đầu về lý thuyết xác	Đặng, Hùng Thắng	Giáo dục, 2008	1		Đúng với hồ	

	suất và các ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng					sơ	
7.	Giải tích số	Nguyễn, Minh Chương	Giáo dục, 2009	10		Đúng với hồ sơ	
8.	Cơ sở lý thuyết trường và lý thuyết galoa	Nguyễn, Tiến Quang	Đại học sư phạm, 2010	3		Đúng với hồ sơ	
9.	Hướng dẫn giải bài tập hàm biến thức	Nguyễn, Thủy Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005	10		Đúng với hồ sơ	
10.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Tô, Anh Dũng	ĐHQG TP.HCM, 2007	10		Đúng với hồ sơ	
11.	Giáo trình giải tích - nhóm ngành 1. T.3, Tích phân một lớp chuỗi số và chuỗi hàm	Phạm, Ngọc Thao	ĐHQGHN + ĐHĐC	2		Đúng với hồ sơ	
12.	Giáo trình xác suất thống kê : Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý - Giáo dục học	Phạm, Xuân Kiều	Giáo dục, 2005	3		Đúng với hồ sơ	
13.	Giáo trình Giải tích 1	TS. Vũ, Gia Tê	Thông tin và truyền	5		Đúng với hồ	

			thông, 2010			sơ	
14.	Hình học vi phân : Những ví dụ và bài toán thực hành	Phạm, Bình Đô	Đại học sư phạm, 2010	15		Đúng với hồ sơ	
15.	Lý thuyết xác suất thống kê	Lê, Khánh Luận	ĐHQG TP.HCM, 2013	10		Đúng với hồ sơ	
16.	Phương pháp tính	Lê, Thái Thanh	ĐHQG TP.HCM, 2014	5		Đúng với hồ sơ	
17.	Bài tập độ đo - Tích phân	Lê, Mậu Hải	ĐHSP, 2017	5		Đúng với hồ sơ	
18.	Phương trình vật lý- toán nâng cao	Nguyễn, Công Tâm	ĐHQG TP.HCM, 2002	9		Đúng với hồ sơ	
19.	Biến đổi tích phân	Đặng Đình Áng	Giáo dục, 2007	7		Đúng với hồ sơ	
20.	Toán rời rạc : Dùng cho sinh viên hệ đào tạo đại học từ xa	Nguyễn, Duy Phương b.s	Bưu điện, 2007	1		Đúng với hồ sơ	
21.	Bài tập Giải tích toán học	Lê, Mậu Hải	ĐHSP, 2007	3		Đúng với hồ sơ	
22.	Bài tập xác suất thống kê	ThS. Hoàng, Ngọc Nhậm (Bộ môn Toán kinh tế - Khoa Toán thống kê Trường Đại học Kinh tế TP.HCM)	ĐH Kinh tế TP.HCM, 2008	10		Đúng với hồ sơ	
23.	Introduction to probability and statistics	Mendenhall, William	2006 Brooks/Col e	4		Đúng với hồ sơ	



24.	A course in the theory of groups	Robinson, Derek J.S	1996 Springer	5		Đúng với hồ sơ	
25.	Homology	Mac Lane, Saunders, 1909-	1995 Springer-Verlag	5		Đúng với hồ sơ	
26.	Business statistics in practice	Bowerman, Bruce L	2007 McGraw-Hill/Irwin	2		Đúng với hồ sơ	
27.	Differential equations with boundary value problems : an introduction to modern methods and applications	Brannan, James R	2010 Wiley	3		Đúng với hồ sơ	
28.	Earth Science	Snyder	1997 Mcgraw - Hill	5		Đúng với hồ sơ	
29.	Introductory algebra	Tussy, Alan S	2007 Thomson	4		Đúng với hồ sơ	
30.	Introduction to linear algebra	Strang, Gilbert	2016 Wellesley-Cambridge Press	98		Đúng với hồ sơ	
31.	Linear algebra done right	Axler, Sheldon Jay, author	[2015] Springer	5		Đúng với hồ sơ	
32.	Multivariate data analysis	Hair, Joseph F	2014 Pearson	2		Đúng với hồ sơ	
33.	Elementary differential geometry	Pressley, Andrew	2010 Springer	50		Đúng với hồ sơ	
34.	Mathematics + physics : Lectures on recent results.	Streit, L	1986 World Scientific	5		Đúng với hồ sơ	

	Volume 2						
35.	Intermediate algebra : Custom Edition for Texas A&M International University	Martin-Gay, Elayn	2009 Learning Solutions	3		Đúng với hồ sơ	
36.	Introduction to the practice of statistics	Moore, David S	2017 W.H. Freeman	5		Đúng với hồ sơ	
37.	Mathematics connections : integrated and applied	Ashlock, Robert B	1996 Mcgraw-Hill	15		Đúng với hồ sơ	
38.	Partial differential equations of hyperbolic type and applications	Geymonat, Giuseppe	1987 World Scientific Pub. Co.	10		Đúng với hồ sơ	
39.	Complete business statistics	Aczel, Amir D	2009 McGraw-Hill/Irwin	5		Đúng với hồ sơ	
40.	College algebra	Barnett, Raymond A	2008 McGraw-Hill Higher Education	3		Đúng với hồ sơ	
41.	Statistics for business and economics	Kohker, Heinz	1993 HarperCollins College	5		Đúng với hồ sơ	
42.	Algebra	Mac Lane, Saunders, 1909-	1999 Chelsea Pub. Co.	9		Đúng với hồ sơ	
43.	Making sense of statistics : a conceptual overview	Pyrczak, Fred	2001 Pyrczak	2		Đúng với hồ sơ	
44.	Applied Calculus	Hallett, Hughes	2006 Wiley	5		Đúng với hồ	

						sơ	
45.	Precalculus : mathematics for calculus	Stewart, James	2008 Cengage Learning	5		Đúng với hồ sơ	
46.	Calculus	Stewart, James	2003 Thomson Brooks/Col e	7		Đúng với hồ sơ	
47.	Snapshots of contemporary mathematics	Arnold, James	2008 Pearson Custom Publishing	1		Đúng với hồ sơ	
48.	Statistics for social workers	Weinbach, Robert W	2001 Allyn and Bacon	3		Đúng với hồ sơ	
49.	Lecture notes on mixed type partial differential equations	Rassias, John M	1990 World Scientific	10		Đúng với hồ sơ	
50.	Analytical dynamics : course notes	Lindenbaum , Samuel D	1994. World Scientific	5		Đúng với hồ sơ	
51.	Multilinear algebra	Greub, Werner Hilbert, 1925-	1978. Springer- Verlag	5		Đúng với hồ sơ	
52.	Mathematica l essays in Honor of Su Buchin	Hsiung, C.C	1983 World Scientific	4		Đúng với hồ sơ	
53.	Topological quantum numbers in nonrelativistic physics	Thouless, D. J	1998 World Scientific	46		Đúng với hồ sơ	
54.	Introductory algebra through applications	Akst, Geoffrey	2009 Pearson	48		Đúng với hồ sơ	

55.	Differential equations and their applications : an introduction to applied mathematics	Braun, Martin, 1941-	1993 Springer-Verlag	4		Đúng với hồ sơ	
56.	Statistics for management	Levin, Richard I	1981 Prentice-Hall	49		Đúng với hồ sơ	
57.	Applications of noncovariant gauges in the algebraic renormalization procedure		1998 World Scientific	2		Đúng với hồ sơ	
58.	Contemporary statistics : a computer approach	Gordon, Sheldon P	1994 McGraw-Hill	5		Đúng với hồ sơ	
59.	Sampling: design and analysis	Lohr, Sharon L.	1999 Duxbury Press	6		Đúng với hồ sơ	
60.	Numerical computing with MATLAB	Moler, Cleve B	2004 Society for Industrial and Applied Mathematics	5		Đúng với hồ sơ	
61.	A climate modelling primer	Kendal McGuffie	2014 John Wiley & Sons Ltd.	10		Đúng với hồ sơ	
62.	student's solutions manual to accompany Elementary statistics	Triola, Mario F	2007 Pearson	7		Đúng với hồ sơ	
63.	Statistics for the behavioral sciences	Privitera, Gregory J	2012 SAGE	1		Đúng với hồ sơ	

64.	Statistics for business and economics	Cortinhas, Carlos	2012 Wiley	10		Đúng với hồ sơ	
65.	An introduction to stochastic differential equations	Evans, Lawrence C., 1949-		5		Đúng với hồ sơ	
66.	Basic statistics : tales of distributions	Spatz, Chris	2010 Wadsworth	4		Đúng với hồ sơ	
67.	Applied statistics in business and economics	Doane, David P	2011 McGraw-Hill/Irwin	4		Đúng với hồ sơ	
68.	Understanding statistics	Mendenhall, William	1972 Duxbury Press	10		Đúng với hồ sơ	
69.	Elementary statistics in social research : the essentials	Levin, Jack, 1941-	2004 Pearson/Allyn & Bacon	5		Đúng với hồ sơ	
70.	Understanding and learning statistics by computer	Yang, Mark C. K	1986 World Scientific	5		Đúng với hồ sơ	
71.	Essentials of modern business statistics with Microsoft Office Excel	Anderson, David R	South - Western Cengage learning	10		Đúng với hồ sơ	
72.	Statistical adjustment of data	Deming, W. Edwards William Edwards, 1900-1993	2014 Dover	1		Đúng với hồ sơ	
73.	Statistics : difficult	Mattson, Dale E.,	1981 Mosby	3		Đúng với hồ sơ	

	concepts, understandable explanations	1934-				sơ	
74.	A concise guide to semigroups and evolution equations	Belleni-Morante, Aldo	1994. World Scientific	10		Đúng với hồ sơ	
75.	Symbolic logic : syntax, semantics, and proof	Agler, David W., 1982-	2013 Rowman & Littlefield Publishers	53		Đúng với hồ sơ	
76.	Algebraic topology from a homotopical viewpoint	Aguilar, M. A. (Marcelo A.)	2002 Springer	46		Đúng với hồ sơ	
77.	A course in probability theory	Chung, Kai Lai, 1917-2009	2001 Academic Press	5		Đúng với hồ sơ	
78.	Elementary differential geometry	O'Neill, Barrett	2006 Elsevier/AP	15		Đúng với hồ sơ	
79.	Algebraic topology	Hatcher, Allen	2002 Cambridge University Press	5		Đúng với hồ sơ	
80.	Mathematical Aspects of Natural and Formal Languages	Paun, Gheorghe	1994 World Scientific	5		Đúng với hồ sơ	
81.	On certain unitary representations of an infinite group of transformations	Hove, Leson Van	2001 World Scientific	3		Đúng với hồ sơ	

82.	Annual reviews of computational physics. Vol V	Stauffer, Dietrich	1997 World Scientific	5		Đúng với hồ sơ	
83.	Jamestown's number power	Mitchell, Robert	[2004] Jamestown	5		Đúng với hồ sơ	
84.	Topology	Davis, Sheldon W	2005 Mc Graw Hill Higher Education	6		Đúng với hồ sơ	
85.	Linear algebra and it's applications	Lay, David C	2016 Pearson	3		Đúng với hồ sơ	
86.	Asymptotic models of fields in dilute and densely packed composites	Movchan, A. B. (Alexander B.)	2002 Imperial College Press	34		Đúng với hồ sơ	
87.	Practical business math procedures	Slater, Jeffrey	2008 McGraw-Hill/Irwin	2		Đúng với hồ sơ	
88.	Applied calculus for business, economics, and the social and life sciences	Hoffmann, Laurence D., 1943-	2005 McGraw-Hill Higher Education	10		Đúng với hồ sơ	
89.	Graduate texts in Mathematics	Klingenberg, Wilhelm	2006 Springer Science + Business Media New York	15		Đúng với hồ sơ	
90.	Statistics for research : with a guide to SPSS	Argyrous, George, 1963-	2011 SAGE	5		Đúng với hồ sơ	

91.	World of chemistry	Joesten, Melvin D	2006 Thomson Wadsworth	5		Đúng với hồ sơ	
92.	College algebra	Stewart, James	2000 Brooks/Cole	5		Đúng với hồ sơ	
93.	Calculus for business, economics, and the social and life sciences	Hoffmann, Laurence D	2007 McGraw-Hill	1		Đúng với hồ sơ	
94.	A basic course in statistics with sociological applications	Anderson, Theodore R	1975 Holt Rinehart and Winston	5		Đúng với hồ sơ	
95.	Multivariable mathematics : Linear algebra, multivariable, calculus, and manifolds	Shifrin, Theodore	2005 Wiley	15		Đúng với hồ sơ	
96.	Partial differential equations of hyperbolic type and applications	Geymonat, Giuseppe	1987. World Scientific	10		Đúng với hồ sơ	
97.	Lectures on groups and vector spaces for physicists	Isham, Chris J	1989 World Scientific	1		Đúng với hồ sơ	
98.	Linear and nonlinear programming	Luenberger, David G., 1937-	2016 Springer	94		Đúng với hồ sơ	
99.	Statistics for social workers	Weinbach, Robert W	2004 Pearson/Allyn and Bacon	5		Đúng với hồ sơ	



0.	Basic college mathematics : a real-world approach	Bello, Ignacio	2009 McGraw-Hill Higher Education	5		Đúng với hồ sơ	
1.	Modern stochastics and applications	Korolyuk, Volodymyr	2014 Springer ;	2		Đúng với hồ sơ	
2.	Selecta	Spencer, D. C. (Donald Clayton), 1912-2001	1985 World Scientific	4		Đúng với hồ sơ	
3.	Active experiences for active children : mathematics	Seefeldt, Carol	2008. Merrill/Prentice Hall	3		Đúng với hồ sơ	
4.	Statistics for business and economics: Microsoft excel enhanced	Kohler, Heinz	2002 Harcourt College Publishers	3		Đúng với hồ sơ	
5.	Precalculus : a graphing approach	Larson, Ron	2001 Houghton Mifflin Company	5		Đúng với hồ sơ	
6.	College algebra with trigonometry	Barnett, Raymond A	2008 McGraw-Hill Higher Education	1		Đúng với hồ sơ	
7.	Finite mathematics and calculus with applications: special edition for the University of Toledo	Lial, Margaret L	2005 Addison-Wesley	1		Đúng với hồ sơ	
8.	Algebra trigonometry		2010 MCGraw -	15		Đúng với hồ	

			Hill			sơ	
9.	Dynamical groups and spectrum generating algebras: Vol. 1	Bohm, A	1988 World Scientific	2		Đúng với hồ sơ	
10.	The student edition of MATLAB : version 5, user's guide	Hanselman, Duanne	1997 Prentice Hall	12		Đúng với hồ sơ	
11.	Calculus	Stewart, James	2003 Thomson Brooks/Cole	1		Đúng với hồ sơ	
12.	How to lie with statistics	Huff, Darrell	1982 Norton	1		Đúng với hồ sơ	
13.	Introduction to probability and its applications	Scheaffer, Richard L.	1995 Duxbury Press	10		Đúng với hồ sơ	

2.5. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

*Kèm hợp đồng đào tạo giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành/thực tập*

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

....., ngày..... tháng .... năm....

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

### **Phụ lục III**

*(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT- BGDDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

---

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT**  
Số: /TDM-ĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bình Dương, ngày tháng 03 năm 2020*

### **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: **Toán kinh tế**; Mã số: **7310108**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: **Bộ giáo dục và Đào tạo**

#### **I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Trong xu thế hội nhập, việc sử dụng các công cụ định lượng với hàm lượng kiến thức Toán học cao, cùng các kỹ thuật tin học hiện đại đang ngày càng phổ biến ở hầu hết các lĩnh vực, các ngành cũng như các cấp quản lý kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế – xã hội.

Trên thế giới việc đào tạo đại học và sau đại học Toán ứng dụng trong kinh tế (gọi tắt là Toán kinh tế) cũng được tổ chức theo nhiều cách khác nhau với nhiều tên gọi khác nhau như Kinh tế định lượng, Toán kinh tế (hay Kinh tế toán), Kinh tế lượng. Các chuyên ngành có tính ứng dụng cụ thể, chuyên sâu hơn cũng đã hình thành trong những năm cuối thế kỷ 20 ở các nước như Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và Tài chính.

Ngày nay Toán ứng dụng trong kinh tế với nhiều hướng chuyên sâu đang ngày càng trở nên cần thiết trong nhiều lĩnh vực khác nhau của kinh tế xã hội. Toán kinh tế hay ứng dụng toán học trong kinh tế – xã hội không chỉ cần thiết ở mức sử dụng các kết quả sẵn có từ các nghiên cứu toán học thuần túy. Toán kinh tế đã khẳng định một cách tiếp cận nghiên cứu kinh tế xã hội với nhiều ưu điểm từ việc vận dụng các phương pháp mô hình hóa, các phương pháp phân tích hệ thống, các phương pháp thống kê toán và kinh tế lượng, các phương pháp mô phỏng và ứng dụng hệ Nơron,... Nhiều phần mềm tin học chuyên dụng hỗ trợ nghiên cứu, thực hành đã phát triển riêng cho các nghiên cứu trong việc vận dụng toán trong kinh tế xã hội, trong đó có hai nhóm quan trọng là các phần mềm mô hình hóa và phân tích dữ liệu.

Trong giai đoạn hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Industry 4.0), ngành Toán kinh tế càng trở nên cần thiết. Xét đến yêu cầu đặc thù đối với ngành Toán kinh tế thì Bình Dương là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 13,6%/năm thời kỳ 2006-2010. GDP bình quân đầu người tăng lên đáng kể, đạt 27,4 triệu đồng, tăng 1,9 lần so với năm 2005. Là tỉnh năng động về kinh tế; thu hút nhiều về đầu tư nước ngoài; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cao hàng đầu cả nước.

Bình Dương có 28 khu công nghiệp đang hoạt động, đã thu hút trên 8.500 dự án đầu tư, trong đó có trên 2.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn 11 triệu USD. Vì vậy, nhu cầu về lao động nghề hàng năm của các doanh nghiệp ở Bình Dương rất cao. Mỗi năm Bình Dương đã thu hút từ 400-500 dự án đầu tư trong và ngoài nước; tổng nhu cầu lao động của các thành phần kinh tế từ 30.000 đến 40.000 lao động/năm. Trong đó, nhu cầu về nhân lực có trình độ đại học trở lên đến năm 2015 có tỷ lệ 4,6% trong tổng số nhu cầu lao động hàng năm (tương đương với trung bình hàng năm từ 1380 đến 1840 người); và đến năm 2020 là 4,1% (tương đương với trung bình hàng năm từ 1230 đến 1640 người) trong tổng số nhu cầu lao động hàng năm. Năm điểm chủ đạo trong kế hoạch Bình Dương 2016 – 2020 nhằm phát triển tỉnh trở thành đô thị văn minh, hiện đại: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; qui hoạch đô thị văn minh hiện đại, phát triển dịch vụ hàm lượng chất xám cao, hướng đến công nghiệp công nghệ cao; huy động nhiều nguồn lực phát triển; nâng thương hiệu Bình Dương lên tầm cao mới trên trường quốc tế. Từ đó, có thể thấy nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn tới.

Xuất phát phân tích những nhu cầu trên, trường Đại học Thủ Dầu Một mở ngành đào tạo Toán kinh tế tại trường Đại học Thủ Dầu Một phù hợp với quy hoạch nhân lực ngành kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và của Quốc gia theo như “Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020” đã được Thủ chính Chính phủ ký Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế trường Đại học Thủ Dầu Một có sự tham khảo với các chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học quốc gia Thành phố Hồ chí Minh), ngành Toán Kinh tế của Đại học Kinh tế quốc dân, ngành Toán kinh tế của trường National university of Ireland Galway. Hơn nữa, chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế được xây dựng bởi các chuyên gia đầu ngành của Nhà trường, tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và giảng viên dự kiến sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 17 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 41 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 43 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp 19 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 15 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m<sup>2</sup>; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m<sup>2</sup>; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m<sup>2</sup>; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành Toán kinh tế mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

## **II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo**

## **1. Giới thiệu chung về trường Đại học Thủ Dầu Một**

Trường Đại học Thủ Dầu Một (Viết tắt: ĐH TDM); Tiếng Anh: Thu Dau Mot University (viết tắt: TDMU) - tiền thân là trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương - được thành lập ngày 24 tháng 6 năm 2009 theo Quyết định số 900/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ. Là Trường Đại học công lập trọng điểm được đặt dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Dương, Đại học Thủ Dầu Một thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, các tỉnh Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường.

### **- Tên trường**

Tên trường (theo quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

- Tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY

- Tên viết tắt của trường:

- Tiếng Việt: ĐHTDM

- Tiếng Anh: TDMU

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ trường: Số 6, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0274) 3822518 Fax: (0274) 3837150

E-mail: vanphong@tdmu.edu.vn

### **2.1.1. Lịch sử phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một**

Tiền thân của Trường là trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương – một cơ sở đào tạo sư phạm uy tín của tỉnh Bình Dương, cung cấp đội ngũ giáo viên có chuyên môn, am tường nghiệp vụ giảng dạy và có tâm huyết với thế hệ trẻ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

Sự hình thành và phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một gắn liền với các mốc thời gian sau:

- Tháng 9 năm 1976, Trường được BGD&ĐT tăng cường giáo dục cho tỉnh Sông Bé, xây dựng trường Sư phạm tại tỉnh Sông Bé.

- Đầu tháng 11 năm 1976, Trường là đơn vị trực thuộc *Trường Cao đẳng Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (cơ sở 05)* đóng tại Sông Bé, số sinh viên của Trường là 500 sinh viên.

- Năm 1977, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Sư phạm cấp II tỉnh Sông Bé.

- Tháng 11 năm 1988 theo quyết định số 168/HĐBT đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm cấp II tỉnh Sông Bé thành trường Cao đẳng Sư phạm Sông Bé.

- Tháng 8 năm 1992 sáp nhập trường Trung học sư phạm Sông Bé vào trường Cao đẳng sư phạm Sông Bé.

- Năm 1997 chia tách tỉnh Sông Bé thành Bình Dương và Bình Phước, trường CĐSP Sông Bé đổi tên thành *Cao Đẳng Sư Phạm Bình Dương*.

- Tháng 6 năm 2009, Trường CĐSP Bình Dương được nâng cấp thành Trường ĐHTDM theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đại học Thủ Dầu Một vinh dự là thành viên của tổ chức CDIO thế giới (từ năm 2015); Là thành viên liên kết của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á – AUN (từ năm 2017); Tháng 11/2017, Trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia.

Qua 10 năm hình thành và phát triển, Trường đã định hình là một cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực; phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý “Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo”, trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương.

### 2.1.2. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục

**Sứ mệnh:** Là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ. Cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm khoa học và công nghệ có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ và cả nước.

#### **Tầm nhìn:**

Trở thành trường đại học thông minh có uy tín trong nước và quốc tế, vào top 200 đại học tốt nhất Châu Á.

Đến 2030, đại học Thủ Dầu Một là trường đại học thông minh, được xếp vào nhóm các trường top đầu các trường đại học Việt Nam.

#### **Giá trị cốt lõi:** Khát Vọng - Trách Nhiệm - Sáng Tạo

+ **Khát Vọng** (Aspiration): Có ý thức phấn đấu vươn lên đỉnh cao trí thức, ước vọng tới những điều tốt đẹp và quyết tâm thực hiện một cách mạnh mẽ nhất.

+ **Trách Nhiệm** (Responsibility): Có thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm với chính mình, với gia đình, xã hội, Tổ quốc, nhân loại; có đủ năng lực và kỹ năng để chịu trách nhiệm.

+ **Sáng Tạo** (Creativity): Có tư duy đổi mới, có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để tạo ra giá trị mới đáp ứng yêu cầu và phục vụ cho sự phát triển của xã hội.

**Triết lý giáo dục:** Học tập trải nghiệm - Nghiên cứu khoa học ứng dụng - Phục vụ cộng đồng

Sinh viên trở thành người phát triển toàn diện về năng lực và tố chất thông qua quá trình học tập trải nghiệm, kết hợp với NCKH nhằm phục vụ cộng đồng.

Theo đuổi triết lý giáo dục “Học tập trải nghiệm - Nghiên cứu khoa học ứng dụng - Phục vụ cộng đồng”, Nhà trường tạo ra môi trường văn hoá học tập ứng dụng và nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng của sinh viên. Nhà trường tin rằng sinh viên sẽ trở thành người hữu ích của xã hội, có ý thức phục vụ cộng đồng và thể hiện trách nhiệm của người trí thức thông qua việc học tập trải nghiệm để hình thành năng lực nghề nghiệp, khả năng NCKH, lòng đam mê sáng tạo và sự tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

#### 2.1.4. Chức năng, nhiệm vụ

Theo Quy chế tổ chức hoạt của trường ĐHTD Thủ Dầu Một số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009, trường ĐHTDM có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học theo các hình thức chính quy và thường xuyên, đáp ứng thiết thực nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu vực.

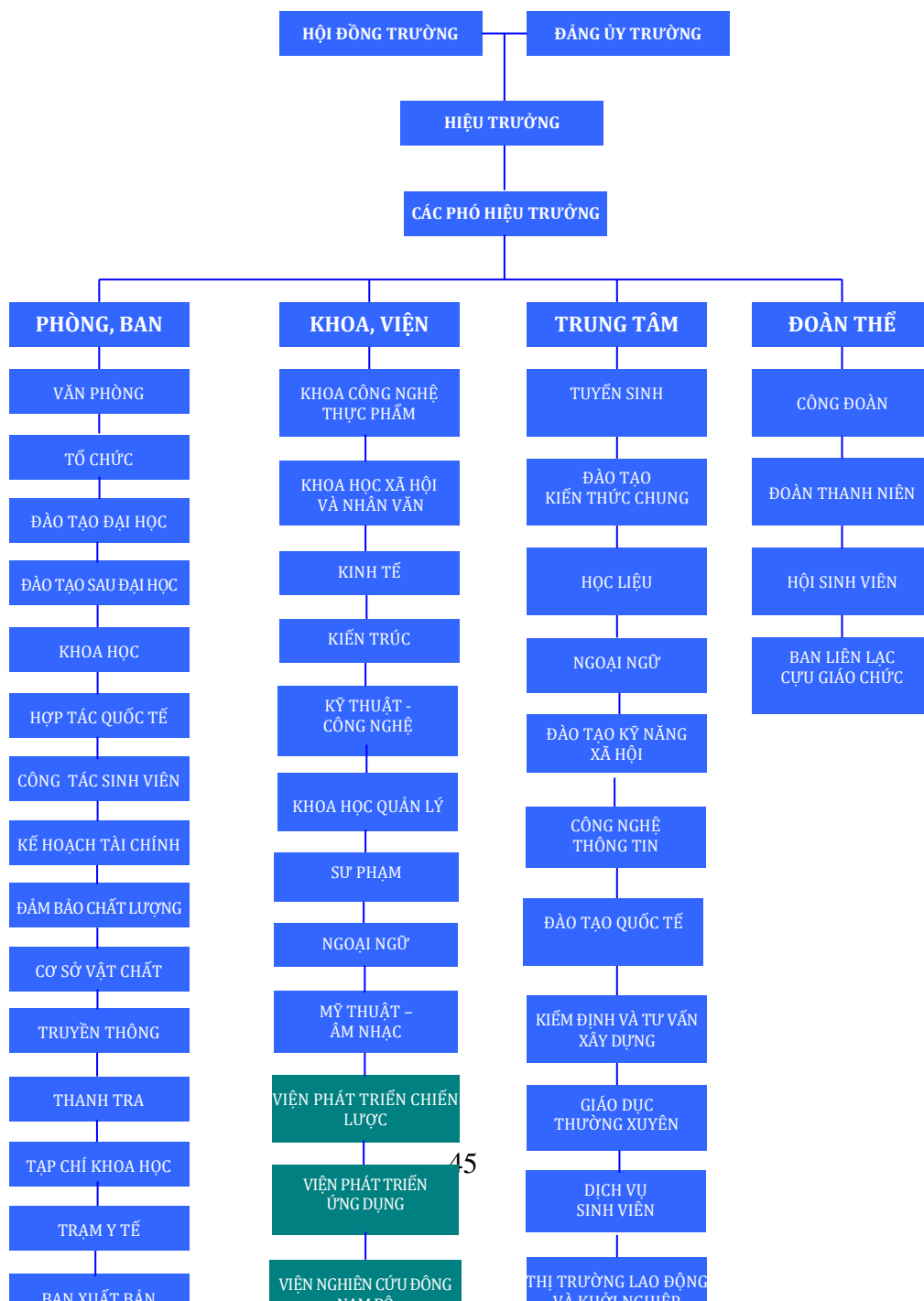
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất và chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân theo yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn theo yêu cầu công tác.

- Hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu - phát triển khoa học công nghệ

### 2.1.5. Giới thiệu sơ lược về các hoạt động của trường

#### - Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường



- **Về tổ chức**, Trường có 01 Chủ tịch Hội đồng trường, 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách và 03 Phó Hiệu trưởng. Hiện nay bộ máy có 38 đầu mối, gồm: 09 khoa; 15 phòng ban, 11 trung tâm, 03 viện.

- **Về nhân sự**, tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 723 người với 02 Giáo sư, 16 Phó Giáo sư, 115 Tiến sĩ, 509 Thạc sĩ (NCS 97), trong đó có 632 giảng viên. Trường có 100% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 21,04%.

- **Về đào tạo**, trường Đại học Thủ Dầu Một đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo sáng kiến CDIO, đáp ứng chuẩn AUN-QA. Tháng 8/2015, Trường chính thức được Bộ Giáo dục cho phép đào tạo Cao học, đánh dấu bước phát triển quan trọng của Nhà trường. Hiện nay, quy mô của Trường là 15.928 sinh viên chính quy và gần 1.000 học viên cao học đang học tập và nghiên cứu ở 40 ngành đại học, 9 ngành đào tạo thạc sĩ, 1 ngành đào tạo tiến sĩ, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Trường đang xây dựng các ngành đào tạo chất lượng cao (đào tạo 100% chương trình bằng tiếng Anh) đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu hội nhập.

- **Về nghiên cứu khoa học**, với chiến lược xây dựng Trường thành trung tâm nghiên cứu, tư vấn có uy tín, Đại học Thủ Dầu Một đang đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Hiện nay, Trường đang triển khai 4 đề án nghiên cứu trọng điểm là Đề án nghiên cứu về Đông Nam Bộ, Đề án nghiên cứu Nông nghiệp chất lượng cao, Đề án nghiên cứu Thành phố thông minh Bình Dương; Đề án nghiên cứu Chất lượng giáo dục. Các đề án, công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu với ứng dụng, giữa đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- **Về hợp tác quốc tế**, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo với hơn 50 đơn vị giáo dục trên thế giới; đồng thời ký kết hợp tác cung ứng lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đóng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Từ năm 2010, Trường đào tạo cho các sinh viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo thỏa thuận hỗ trợ hợp tác giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Champasak, cụ thể là đào tạo nguồn nhân lực ở hai ngành Kinh tế và Công nghệ thông tin.

- **Về cơ sở vật chất**: Hiện nay Nhà trường có 02 cơ sở. Tổng diện tích đất của 02 cơ sở là: 64.3630,5m<sup>2</sup> (64,36 ha) đạt tiêu chuẩn 46 m<sup>2</sup>/sinh viên (với quy mô 15.938 SV hệ chính quy và hệ thường xuyên). Cụ thể: Cơ sở số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố



Thủ Dầu Một: 67.435,5m<sup>2</sup>, khu đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường mới tại Khu Công nghiệp và Đô thị Thới Hòa, thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích là 576.195m<sup>2</sup>.

Trường có 174 phòng học, 02 hội trường, 05 phòng họp, hội thảo. Khu thực hành thí nghiệm của Trường hiện nay gồm 55 phòng đã được nâng cấp mở rộng, trang bị các trang thiết bị phù hợp đáp ứng được yêu cầu cơ bản của các ngành đào tạo.

Với 881 máy tính để bàn, trong đó có 9 phòng thực hành với 500 máy được nối mạng Internet, 158 máy in các loại, 24 máy scanner, 09 máy photocopy, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện điện tử. Để đảm bảo cho hoạt động của nhà trường được hiệu quả và thông suốt, các đơn vị chuyên trách đều có phần mềm quản lý công việc phù hợp.

- Trong khuôn viên Trường có hệ thống mạng wifi có password cho giảng viên và sinh viên không có password, để dễ dàng truy cập internet miễn phí phục vụ cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Tỷ lệ máy tính dùng cho công tác quản lý và các phòng chức năng đạt 100%.

**Trung tâm học liệu** có diện tích 1.980m<sup>2</sup>, được bố trí thành 5 phòng chức năng với sức chứa gần 500 chỗ ngồi. Trung tâm có 21.000 nhan đề tài liệu dạng giấy, hơn 28.000 file tài liệu dạng điện tử, 11 cơ sở dữ liệu toàn văn do Trung tâm xây dựng và mua quyền truy cập. Có Website và Trang Học liệu số tích hợp với phần mềm để tra cứu online, Trang Thư viện số liên kết với các thư viện, trung tâm trong nước.

**Nơi vui chơi giải trí** có 01 câu lạc bộ thể hình, 01 nhà học võ thuật, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ, sân tập TDTT ngoài trời 2,2ha, 01 đường chạy 400 mét, 01 sân khấu ngoài trời, 01 nhà đa năng diện tích 927,91m<sup>2</sup>.

Trường có tòa nhà 3 tầng 23 phòng, gồm phòng Lãnh đạo Trường, các phòng, ban chuyên môn làm việc, hội họp và tiếp khách; dãy nhà 4 tầng nơi làm việc các khoa (trong đó có phòng làm việc riêng cho lãnh đạo các khoa); phòng làm việc của giảng viên; phòng làm việc cho giáo sư và phó giáo sư; phòng khách đủ tiện nghi và 02 dãy phòng làm việc cho các trung tâm.

- **Về tài chính:** Trường là đơn vị dự toán cấp 1, có con dấu và tài khoản riêng, thực hiện cơ chế quản lý tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Nhà trường triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Ấn phẩm:** Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một

**Đảng, đoàn thể và các hoạt động khác**

Nhà trường có tổ chức Đảng và các đoàn thể gồm: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường được thực hiện theo quy định của Pháp luật. Đảng bộ thực hiện chức năng lãnh đạo theo điều lệ Đảng và các Quy định của Ban Bí thư TW Đảng. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật; Điều lệ Trường đại học và Điều lệ của tổ chức, đoàn thể đã phát huy trách nhiệm cùng Nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục. Hàng năm, Đảng

bộ Trường nhận được bằng khen, giấy khen của Đảng cấp trên; Công đoàn Trường nhận được bằng khen, giấy khen của Liên đoàn lao động Tỉnh; Thành tích của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã được ghi nhận và biểu dương, khen thưởng.

### **2.1.6. Thành tích của trường**

*Giai đoạn từ năm 1992 - 2009*

- + Huân chương lao động: hạng Ba năm 1997; hạng Nhì năm 2002
- + Huy chương vì sự nghiệp Giáo dục: 59 cá nhân
- + Huy chương vì sự nghiệp Bảo vệ an ninh Tổ quốc: 01 cá nhân
- + Nhà giáo ưu tú: 02
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 07 (05 cá nhân)
- + Bằng khen của Bộ Công an, Bộ Nội vụ: 04 (01 cá nhân)
- + Bằng khen của Bộ GD-ĐT tặng cho đơn vị, tập thể và cá nhân 52
- + Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh và cơ sở: 390 lượt cán bộ giảng viên đạt danh hiệu
- + Bằng khen của UBND tỉnh tặng cho đơn vị, tập thể, cá nhân: 181
- + Giấy khen của Sở GD-ĐT và các sở, Ban khác của Tỉnh: 328

#### **\* Công đoàn**

- + Huy chương vì sự nghiệp Công đoàn và kỷ niệm chung: 14
- + Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam: 08 (cá nhân 05)
- + Cờ thi đua do Liên đoàn Lao động Tỉnh trao tặng: 02
- + Bằng khen của Công đoàn GD Việt Nam và LĐLĐ Tỉnh: 138
- + Ngoài ra còn nhiều Giấy khen của Công đoàn Giáo dục Tỉnh

#### **\* Đoàn thanh niên**

- + Huân chương lao động hạng ba: 01
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 01 cá nhân
- + Huy chương vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của TW Đoàn: 05
- + Kỷ niệm chương và Huy chương danh dự của TW Đoàn: 03
- + Cờ thi đua của Trung ương Đoàn: 02
- + Bằng khen của Trung ương Đoàn: 02
- + Bằng khen của Trung ương HLHTN: 01
- + Bằng khen của UBND Tỉnh: 06
- + Bằng khen của Tỉnh Đoàn: 09
- + Bằng khen của Bộ Tư lệnh Quân khu 7: 01

*Giai đoạn từ năm 2009 đến nay*

- + Huân chương lao động hạng Nhất: 01
- + Bằng khen của Bộ Công an: 03
- + Bằng khen của UBND Tỉnh: 05

#### **\* Đoàn Thanh niên**

- + Bằng khen của UBND tỉnh Bình Dương: 05
- + Bằng khen của UBND tỉnh Bình Tây Ninh: 02
- + Bằng khen của UBND tỉnh Đắk Nông: 01
- + Bằng khen của Trung ương Đoàn : 01
- + Bằng khen của Trung ương Hội sinh viên: 05
- + Bằng khen của Tỉnh đoàn Bình Dương: 05

- ❖ + Bằng khen của Tỉnh đoàn Tây Ninh: 02
- \* **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh
- \* **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

## 5. Giới thiệu về Khoa trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo

- ❖ **Tên đầy đủ:** KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM  
 Tên tiếng Việt: KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM  
 Tên tiếng Anh: Faculty of Food Technology
- ❖ **Tên viết tắt:** Khoa CNTP  
 Tên tiếng Việt: Khoa CNTP  
 Tên tiếng Anh: FFT

### ❖ **Cơ quan chủ quản**

Trường Đại học Thủ Dầu Một.

### ❖ **Thông tin liên lạc:**

Phòng I2.402, Số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3834.512 (Số nội bộ 2-104)

Webiste: [cntp.tdmu.edu.vn](http://cntp.tdmu.edu.vn).

Email: [khoacntp@tdmu.edu.vn](mailto:khoacntp@tdmu.edu.vn)

### 5.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân là Khoa Khoa học Tự nhiên, theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHTDM ngày 21 tháng 02 năm 2020 Khoa được đổi tên thành Khoa Công nghệ thực phẩm để phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, được thành lập từ năm 2009, trải qua chặng đường 10 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã khẳng định vị thế về đào tạo, nghiên cứu khoa học và từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Khoa CNTP hiện nay có 6 chương trình đào tạo: Toán học (Toán học, Toán Kinh tế), Hoá học, Vật lý, Công nghệ thực phẩm, Sinh học ứng dụng, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; với đội ngũ giảng viên có 1 Phó Giáo sư, 11 Tiến sĩ, 40 Thạc sĩ (bao gồm có nghiên cứu sinh đang học tập nghiên cứu trong và ngoài nước).

Được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay Khoa đang đào tạo 04 ngành cử nhân đại học gồm: Toán học, Vật lý, Hoá học và Sinh học ứng dụng.

Trong năm 2020, Khoa sẽ tuyển sinh các ngành: Hoá học, Toán kinh tế, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

### **TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

**Tầm nhìn:** Là đơn vị có uy tín trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp về kỹ thuật, công nghệ và vận hành theo mô hình đại học xanh.

**Sứ mạng:** Đào tạo và nghiên cứu để phục vụ nhu cầu thay đổi và thách thức của xã hội và ngành trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Nuôi dưỡng tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu.

### **NHIỆM VỤ CỦA KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

Khoa Công nghệ thực phẩm là đơn vị cấp khoa trực thuộc trường Đại học Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của ban lãnh đạo và đảng ủy nhà trường. Cùng với các đơn vị khác trong trường, Khoa hướng đến những nhiệm vụ sau:

- Hình thành và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp trong giảng dạy và nghiên cứu, bảo đảm năng lực cho người học có thể làm việc trong môi trường toàn cầu.

- Trở thành đơn vị cung ứng nguồn nhân lực quản trị địa phương chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nhiệm vụ của Khoa là đào tạo đội ngũ nhân sự đạt tiêu chuẩn quốc gia, nắm vững các kiến thức về lĩnh vực khoa học tự nhiên, ngoại ngữ và những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của từng ngành nghề cụ thể. Sau khi ra trường, Sinh viên được nhà trường giới thiệu việc làm hoặc sinh viên có thể tự tìm việc phù hợp với chuyên ngành và khả năng, sở thích mong muốn trong quá trình đào tạo rèn luyện tại trường. Sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

-Ngành Hoá học: kỹ thuật viên, nghiên cứu viên; các công việc liên quan đến hoá học, thực phẩm, dược phẩm, môi trường; nhân viên kiểm nghiệm; giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng.

-Ngành Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm: có thể làm việc tại cái viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm kiểm nghiệm, phòng vệ sinh ATTP tại các địa phương; các công ty về sản xuất kinh doanh thực phẩm; công ty cung cấp suất ăn; giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng.

-Ngành Công nghệ thực phẩm: csinh viên ra trường có thể làm việc tại các công ty về kiểm tra đánh giá chất lượng an toàn thực phẩm; nghiên cứu sản phẩm; xây dựng dây chuyền, quy trình sản xuất chế biến thực phẩm; giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng.

-Ngành Toán kinh tế: có khả năng thích nghi với thực tiễn và làm việc có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau như: Tài chính - tiền tệ, Phân tích kinh doanh, Phân tích, tư vấn chính sách...

### 5.6. Về nhân sự ngành Toán kinh tế (cập nhật đến 05/2020)

Đội ngũ giảng viên ngành Toán kinh tế bao gồm các giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Thủ Dầu Một (và một số giảng viên thỉnh giảng có uy tín ở các trường trong khu vực). Hiện nay đội ngũ giảng dạy Toán kinh tế ở Trường Đại học Thủ Dầu Một có 15 giảng viên được đào tạo bài bản ở các cơ sở đại học, học viện có uy tín. Trong đó, có 03 TS, 2 thạc sĩ – NCS và 10 thạc sĩ đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng tốt với quy định mở ngành Toán kinh tế.

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
1	Võ Viết Trí Năm sinh: 1966 Trưởng khoa	Tiến sĩ (Việt Nam, 2016)	Toán giải tích	-1989-1997: THPT Huỳnh Văn Nghệ -1997-2001: THPT chuyên Hùng Vương -2001-2007: THPT Phước Vĩnh -2010- hiện tại: ĐH Thủ Dầu Một	

2	Nguyễn Thị Kim Ngân Năm sinh: 1983 Giám đốc chương trình	Tiến sĩ (Pháp,2010)	Lý thuyết số và Hình học đại số	Từ 1/2014 đến nay công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một
3	Mai Quang Vinh	Tiến sĩ (Ireland,2020)	Toán ứng dụng	Từ 9/2005 đến 9/2010 công tác tại trường ĐH An Giang Từ 10/2010 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
4	Nguyễn Minh Điện	ThS-NCS	Toán giải tích	Từ 2010 đến 8/2012 công tác tại ĐH Tôn Đức Thắng Từ 9/2012 đến 9/2015 công tác tại ĐH Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương Từ 10/2015 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
5	Lê Quang Long	ThS-NCS	Đại số và Lý thuyết số	Từ 2005 đến 2010 công tác tại trường THPT Sương Nguyệt Ánh Từ 2010 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
6	Lê Thị Thu	Thạc sĩ (Belarus, 2010)	Toán ứng dụng	Từ 12/2010 đến 6/2011 công tác tại trường CĐ Tài nguyên và môi trường Tp HCM Từ 6/2011 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
7	Huỳnh Văn Hiếu	Thạc sĩ (Việt Nam,2018)	Xác suất thống kê	Từ 3/2018 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
8	Trần Thanh Phong	Thạc sĩ (Việt Nam,2011)	Hình học-Topo	Từ 9/2003 đến 8/2012 công tác tại trường THPT thuộc sở GDĐT Tây Ninh
9	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Thạc sĩ (Việt Nam, 2009)	Đại số và Lý thuyết số	Từ 10/2007 đến 10/2008 công tác tại ĐH Qui Nhơn Từ 10/2008 đến 12/2012 công tác tại trường CĐ công nghiệp Tuy Hòa Phú Yên Từ 1/2013 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một
10	Huỳnh Ngọc Diễm	Thạc sĩ	Đại số- Lý	Từ tháng 6/2011 đến nay

	Năm sinh: 1987 Giảng viên	(Việt Nam, 2012)	thuyết số	công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một	
11	Dương Thanh Huyền	Thạc sĩ (Việt Nam, 2015)	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Từ 9/2013 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một	
12	Ngô Lê Hồng Phúc	Thạc sĩ (Việt Nam, 2008)	Đại số và Lý thuyết số	Từ 1/2010 đến nay công tác tại ĐH Thủ Dầu Một	
13	Bùi Thị Ngọc Hân Năm sinh: 1988 Giảng viên	Thạc sĩ (Việt Nam, 2014)	Toán giải tích	Từ tháng 6/2011 đến nay công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một	
14	Nguyễn Thị Linh	Thạc sĩ (Việt Nam, 2013)	Toán giải tích	Từ tháng 9/2015 đến nay công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một	
15	Nguyễn Vũ Vân Trang	Thạc sĩ (Việt Nam, 2013)	Đại số và Lý thuyết số	Từ tháng 2003 Đến 2010 công tác tại trường THCS Ngô Văn Nhạc-Cái Bè-Tiền Giang Từ 2010 đến 2016 công tác tại trường trung cấp nghề KV Gò Công-tiền Giang Từ 2016 đến nay công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một	

## 6. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực của trường, Đại học Thủ Dầu Một mong muốn mở ngành đào tạo Toán kinh tế, hệ đại học chính quy.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế, chúng tôi có tham khảo chương trình các chuyên ngành Toán kinh tế của các trường Đại học trong nước như: Đại học Kinh tế - Luật (Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế quốc dân, và trường Đại học nước ngoài như National university of Ireland Galway.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế của các trường đại học trong và ngoài nước từ 120 đến 240 tín chỉ. Qua việc tham khảo các chương trình trên cùng với mục tiêu cốt lõi của nhà trường và nhu cầu của xã hội, chúng tôi xây dựng Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế của Đại học Thủ Dầu Một gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 17 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 41 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 43 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp 19 tín chỉ. Thời gian đào

tạo ngành Toán kinh tế trong 4 năm với triết lý giáo dục của ngành Toán kinh tế: “Learning by doing” (“Học-Thực hành- Phục vụ cộng đồng”.)

Hiện nay, Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế Đại học Thủ Dầu Một có: 15 giảng viên cơ hữu, ( giảng viên thỉnh giảng chuyên ngành sâu tham gia đào tạo,) đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 50 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích hiện có: 67.535,6 m<sup>2</sup>; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m<sup>2</sup>; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m<sup>2</sup>; 881 máy tính để bàn, trong đó có 9 phòng thực hành với 500 máy được nối mạng Internet, 158 máy in các loại, 24 máy scanner, 09 máy photocopy, 05 máy quét mã vạch sử dụng cho Thư viện điện tử. ... các phòng học âm nhạc đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng dạy và học. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 30 đến 50 sinh viên ngành Âm nhạc mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

## **7. Kết luận và đề nghị**

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất đặc biệt là thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành Toán kinh tế theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đúng chuyên ngành và có chuyên môn sâu về Toán kinh tế. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

### **III. Đề nghị và cam kết thực hiện**

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Toán kinh tế trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Toán kinh tế phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**



**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. **Họ và tên:** Võ Viết Trí
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 05.05.1966
4. **Nơi sinh:** Hội An-Quảng Nam
5. **Nguyên quán:** Điện Bàn-Quảng Nam
6. **Đơn vị công tác:**  
Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:  
Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa học tự nhiên
7. **Học vị cao nhất:** Tiến sĩ Năm đạt học vị: 2016

**8. Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư Năm công nhận: Nơi công nhận:  
Giáo sư Năm công nhận: Nơi công nhận:

**9. Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Trưởng Khoa

**11. Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	6 Trần Văn Ôn, TP TDM, Bình Dương	113/24/15 30-4, TDM, Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	02743844028	0915712655
3	Email	khtn@tdmu.edu.vn	trivv@tdmu.edu.vn

**12. Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Pháp			x			x			x		x	
2	Tiếng Anh			x			x					x	
3	Tiếng Nga			x			x			x			x



**13. Thời gian công tác:**

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1989 đến 1997	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ, Bình Dương	Giáo viên
Từ 1997 đến 2001	Trường THPT Chuyên Hùng Vương, Bình Dương	Giáo viên
Từ 2001 đến 2007	Trường THPT Phước Vĩnh, Bình Dương	Phó hiệu trưởng
Từ 2007 đến 2010	Trường THPT Võ Minh Đức, Bình Dương	Phó hiệu trưởng
Từ 2010 đến nay	Khoa KHTN, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương	Giảng viên, P. trưởng Khoa, Trưởng khoa

**14. Quá trình đào tạo:**

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1985-1989	ĐHSP-TPHCM	Giải tích Toán học	
Thạc sỹ	2004-2007	ĐHSP-TPHCM	Giải tích Toán học	Nguyên lý Cacipoly trong không gian K-metric
Tiến sĩ	2011-2016	ĐHSP-TPHCM	Giải tích Toán học	Một số lớp phương trình trong không gian Banach có thứ tự
Tiến sỹ Khoa học				

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>


**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**

*16.1 Lĩnh vực chuyên môn:*

Lĩnh vực: giảng dạy  
 Chuyên ngành: Giải tích

*16.2 Hướng nghiên cứu:*

Lý thuyết toán tử, giải tích hàm, Phương trình vi phân, Phương trình đạo hàm riêng

**II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**

**1. Đề tài/ dự án:**

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Xử lý kết quả học tập của học sinh phổ thông tự động bằng máy tính điện tử	Tinh	12 tháng	165	Chủ nhiệm	2008	Khá
2	Các định lý minimax cho hàm đa trị trên dàn đầy đủ	Trường	12 tháng	51	Chủ nhiệm	2016	Khá
3	Định lý điểm bất động thông qua nón-chuẩn và độ đo phi compact với giá trị trong nón	Trường	12 Tháng	51	Chủ nhiệm	2017	Xuất sắc

**2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:**

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

### III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

#### 1. Sách:

##### 1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

##### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

TƯ TƯỞNG	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

#### 2. Các bài báo:

##### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TƯ TƯỞNG	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1	N.B.Huy, N.H.Khanh, V.V.Tri, <i>Fixed Point Theorems Via Cone-Norms And Cone-Valued Measures Of Noncompactness, Fixed Point Theory</i> , 17(2016), No. 2, 349-358.	ISI, SCIE, Q1, 1583-5022	2.0	<a href="http://www.math.ubbcluj.ro/~nodeacj/download.php?f=162-huy-kha-tri-1320-Final.pdf">http://www.math.ubbcluj.ro/~nodeacj/download.php?f=162-huy-kha-tri-1320-Final.pdf</a>

CẤP  
RU  
AI  
DI  
1

2	N.B.Huy, T.T.Binh, V.V.Tri, <i>The monotone minorant method and eigentvalue problem for multivalued operators in cones, Fixed Point Theory, 19(2018), No.1, 275-286.</i>	ISI, SCIE, Q1, 1583- 5022	<a href="http://www.math.ubbcluj.ro/~nodeacj/volumes/2018-No1/181-huy-bin-tri-1720-final.php">http://www.math.ubbcluj.ro/~nodeacj/volumes/2018-No1/181-huy-bin-tri-1720-final.php</a> Hoặc Doi: <a href="https://doi.org/10.24193/fpt-ro.2018.1.22">10.24193/fpt-ro.2018.1.22</a>
3	Hybrid full- duplex/half-duplex relay selection scheme with optimal power under individual power constraints and energy harvesting, Computer Communication s, V 124(2018), 31-44,	ISI, SCI, Q1, 0140- 3664	<a href="https://doi.org/10.1016/j.comcom.2018.04.014">https://doi.org/10.1016/j.comcom.2018.04.014</a>

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TU' TUỞNG	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án(chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	N.B.Huy, V.V.Tri, <i>An extension of the Krasnoselskii fixed point Theorem in K- normed space</i> , Journal of Science of HCM City university of Education, 64(98), 2014, 5-17	1859- 3100	<a href="http://tekh.hcmup.edu.vn/">http://tekh.hcmup.edu.vn/</a>	
2	<i>Vài định lý Minimax cho hàm đa trị</i> , công bố trên tạp chí khoa học tự nhiên của Đại học sư phạm TPHCM, số 6(84), 2016, 96- 102	1859- 3100	<a href="http://tekh.hcmup.edu.vn/">http://tekh.hcmup.edu.vn/</a>	

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

<i>TƯ TƯỜNG</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chữ</i>
1	Võ Viết Trí, Trần Thanh Bình, Nguyễn Bích Huy, Chặn dưới đơn điệu cho phương trình với ánh xạ đa trị, Đại hội toán học, 8/2013, Nha Trang		G54	
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Ghi chữ</i>
1	Võ Viết Trí, Một dạng của định lý điểm bất động Krasnoselskii trong không gian K-định chuẩn, Hội thảo nghiên cứu khoa học phòng đào tạo sau đại học Đhsp tpHCM (2014), Hội thảo toán học và ứng dụng khoa toán tin học, ĐHSP tp HCM (2014)		Bài báo cáo	

2	Võ Việt Trì, Nguyễn Xuân Hải, và Nguyễn Hồng Quân, Một vài định lý Minimax cho hàm đa trị trên nửa dàn tôpô.	Tối ưu và tính toán, Ba Vì, 4/2017	Bài báo cáo, kỹ yếu	
3	Eigenvalue intervals of multivalued operator and application to Multipoint Boundary Value Problems.	Toán học Miền Trung – Tây Nguyên lần thứ 3	Bài báo cáo, kỹ yếu	
4				

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

<i>TƯ TƯỞNG</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1				
2				

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

<i>TƯ TƯỞNG</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> <i>(chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TƯ TƯỞNG</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án</i> <i>(chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:



TƯ TƯỜNG	Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyên giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyên giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

#### V. THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

##### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

##### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia
1	1 tháng	Viện nghiên cứu cao cấp về toán	Làm việc với nhóm nghiên cứu của P.GS. Ts Nguyễn Bích Huy

Bình Dương, ngày... tháng... năm 20..

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)


  
 TS. Trần Văn Trung





Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 1/2014-9/2014	Đại học Thủ Dầu Một, khoa KHTN	Giảng viên
Từ 10/2014-3/2015	Đại học Thủ Dầu Một, khoa Sư phạm	Phó trưởng khoa
Từ 4/2015 đến 6/2018	Đại học Thủ Dầu Một, khoa KHTN	Phó trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn
Từ 7/2018 đến nay	Đại học Thủ Dầu Một	Giám đốc chương trình Toán học

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đôi đồng điều không phân nhánh cấp tổng quát và bài toán của Noether	2016/2017	Cấp trường	Chủ nhiệm
2	Giáo trình Đại số tuyến tính 1	2017/2018	Cấp trường	Chủ biên
3	Sách tham khảo Đại số tuyến tính 2	2019/	Cấp trường	Chủ biên



##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Classes non ramifiées sur un espace classifiant	2011	Comptes Rendus Mathématique
2	Sur l'espace classifiant d'un groupe algébrique linéaire I	2014	Journal Mathématique Pures et Appliquée
3	Modules de cycles et classes non ramifiées sur un espace classifiant	2016	Algebraic Geometry

Xác nhận của cơ quan  
HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
THỦ ĐẠO MỘT  
TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2020

Người khai kí tên  
(Ghi rõ chức danh, học vị)



TS. Nguyễn Thị Kim Ngân





	Bình Dương	
10/2015-	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Một số phương pháp chính hóa cho bài toán không chính	2019	NN	Thành viên chủ chốt

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	<i>Regularization of a backward heat transfer problem with a nonlinear source</i>	2011	Acta Mathematica Vietnamica (Scopus)
2.	Stability of solutions of a class of nonlinear fractional Laplacian parabolic problems	2019	Journal of Computational and Applied Mathematics (SCI)
3.	Stability of solutions of a class of nonlinear fractional diffusion equations with respect to a pseudo-differential operator	2019	Mathematical Methods in the Applied Sciences (SCIE)
4.	On a time-space fractional backward diffusion problem with inexact orders	2019	Computers & Mathematics with Applications (SCI)
5.	Global solution of space-fractional diffusion equations with nonlinear reaction source terms	2019	Applicable Analysis (SCIE)
6.	Stability of solution of a backward problem of a time-fractional diffusion equation with perturbed order	2019	Science and Technology Development Journal



7.	On Tikhonov's method and optimal error bound for inverse source problem for a time-fractional diffusion equation	2020	Computers & Mathematics with Applications (SCI)
----	--	------	---

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**Người khai kí tên**

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Nguyễn Minh Điện

(Giảng viên)

**Xác nhận của cơ quan**

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
BÌNH DƯƠNG**



*TS. Trần Văn Trung*





#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	2018/2019	Trường	Chủ biên

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 13 tháng 05 năm 2020

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Xác nhận của cơ quan  
BAN NHẬN DANH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
THỦ ĐẦU MỘT  
TS. Trần Văn Trung









### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Tháng 6/2011 đến nay	Chương trình đào tạo Toán học, Khoa Công nghệ thực phẩm (trước đây là Khoa Khoa học Tự nhiên), trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng dạy

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Tài liệu ôn thi Olympic Toán đại số</i>	2016-2017	Trường	Tác giả viết chương
2	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Toán cao cấp A1</i>	2017-2018	Trường	Tác giả viết chương
3	Giáo trình: <i>Đại số tuyến tính 1</i>	2018-2019	Trường	Tác giả viết chương
4	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Hình học xạ ảnh</i>	2019-2020	Trường	Tác giả viết chương
5	Sách tham khảo: <i>Đại số tuyến tính 2</i>	2019-2020	Trường	Tác giả viết chương

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 13 tháng 5 năm 2020

Người khai ki tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Huỳnh Ngọc Diễm

Xác nhận của cơ quan  

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**THỦ DẦU MỘT**

TS. Trần Văn Trung





Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2005-2010	Trường THPT Sương Nguyệt Anh	Giáo viên
2010- hiện tại	Trường đại học Thủ Dầu Một, trường Đại học SPKT thành phố HCM	Giảng viên

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên



Lê Quang Long



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tài liệu hướng dẫn học tập toán cao cấp A1	2017-2018	Đề tài cấp trường	Chủ biên

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2020

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Ths. Nguyễn Thị Linh

Xác nhận của cơ quan







		Toán.

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của cơ quan



....., ngày tháng năm

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



## Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### LÝ LỊCH KHOA HỌC

#### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: LÊ THỊ THU - Giới tính: Nữ  
Ngày, tháng, năm sinh: 01/05/1987 Nơi sinh: Thanh Hóa  
Quê quán: Thanh Hóa Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Thạc sỹ Năm, nước nhận học vị: 2010, Belarus  
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Công nghệ Thực phẩm  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: ĐD: 0988 046 004  
Fax: Email: thult.khntn@tdmu.edu.vn

#### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Huế + Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarus;  
Ngành học: Toán ứng dụng; Nước đào tạo: Việt Nam + Belarus; Năm tốt nghiệp: 2009;

##### 2. Sau đại học

- Thạc sỹ chuyên ngành: Toán ứng dụng; Năm cấp bằng: 2010; Nơi đào tạo: Belarus

Tên luận án: Phương pháp đường đặc trưng tìm nghiệm giải tích của bài toán hỗn hợp đối với phương trình sóng kép tổng quát.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: Trung bình  
2. Tiếng Nga Mức độ sử dụng: Khá

#### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 12/2010 đến 06/2011	Trường CD Tài nguyên và Môi trường TP. HCM	Giảng viên
Từ tháng 6/2011 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên





#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Lê Thị Thu, <i>Phân tích những sai lầm thường gặp của sinh viên khi giải toán xác suất và hướng khắc phục</i> , Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 199, kì 2- tháng 8-2019	2019	Thiết bị Giáo dục

Bình Dương, ngày 10 tháng 5 năm 2020

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Xác nhận của cơ quan  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**  
**TP. KHOA HỌC**  
  
**TS. Trần Văn Trung**

ThS. Lê Thị Thu





**1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:**

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn học tập "Tài liệu ôn thi Olympic Toán đại số".	2016/2017	Cấp trường	Chủ nhiệm đề tài
2	Biên soạn sách tham khảo Đại số tuyển tính 1.	2017/2018	Cấp trường	Thành viên tham gia viết chương.
3	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn học tập "Toán học 2"	2017/2018	Cấp trường	Thành viên tham gia viết chương

**2. Các công trình khoa học đã công bố:**

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 13 tháng 5 năm 2020

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Th.S Ngô Lê Hồng Phúc





	Công nghiệp Tuy Hòa – Phù Yên	
1/2013 đến nay	Khoa KHTN – Trường ĐH Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên Toán

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Hiệu giữa độ dài và bội của các môđun Artin	2008/2009	Luận văn thạc sĩ	Chủ nhiệm đề tài
2	Hỗ trợ sinh viên tự học Toán cao cấp 1 bằng phần mềm Emptest	2011/2012	Cấp trường (Trường CD Công Nghiệp Tuy Hòa)	Chủ nhiệm đề tài
3	Tài liệu ôn thi Olympic Toán đại số	2016/2017	Cấp trường (Trường ĐH Thủ Dầu Một)	Thành viên
4	Giáo trình Đại số tuyến tính 1	2017/2018	Cấp trường (Trường ĐH Thủ Dầu Một)	Thành viên

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Nguyễn Đức Minh, Trần Tuấn Nam, Nguyễn Thị Khánh Hòa, On the polynomial property of a function of certain systems of parameters for Artinian modules	2014	Kyushu Journal of Mathematics Số 68, p.239 – 248, 2014.
	Nguyễn Thị Khánh Hòa, Ước chung lớn nhất của các ma trận vuông	2016	Tạp chí ĐH Thủ Dầu Một Số 27, p.68-75
	Nguyễn Thị Khánh Hòa, Bội chung nhỏ nhất của các ma trận	2017	Tạp chí ĐH Thủ Dầu Một Số 32

Bình Dương, ngày 4 tháng 6 năm 2019

Xác nhận của cơ quan

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KHOA HỌC



Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)  
Ths. Nguyễn Thị Khánh Hòa





## Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### LÝ LỊCH KHOA HỌC

#### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: BÙI THỊ NGỌC HÂN  
Giới tính: nữ  
Ngày, tháng, năm sinh: 5/7/1988  
Nơi sinh: Đà Lạt  
Quê quán: Thái Bình  
Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Thạc sĩ  
Năm, nước nhận học vị: 2014  
Chức danh khoa học cao nhất:  
Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): khoa Công nghệ thực phẩm, đại học Thủ Dầu Một  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 1314/14 Lê Hồng Phong, phường Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương  
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0397210237  
Fax: Email: hanbtn@tdmu.edu.vn

#### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Đại học:

Hệ đào tạo: chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Đà Lạt;  
Ngành học: sư phạm Toán; Nước đào tạo: Việt Nam;  
Năm tốt nghiệp: 2010;  
Bằng đại học 2: cử nhân Ngôn ngữ Anh, Đại học Thủ đầu một;  
Năm tốt nghiệp: 2014

##### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Toán giải tích;  
- Năm cấp bằng: 2014;  
- Nơi đào tạo: Đại học Vinh  
- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....;

Tên luận án:....

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: khá  
2. Mức độ sử dụng:



### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 6/2011 đến 11/2012	Khoa Tiểu học – Mầm non, trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 12/ 2012 đến nay	Khoa Công nghệ thực phẩm (trước đây là khoa Khoa học Tự nhiên), trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tài liệu hướng dẫn học tập: Toán cao cấp A1	2017-2018	Trường	Tác giả viết chương

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí



Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 5 năm 2020

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Bùi Thị Ngọc Hân

Xác nhận của cơ quan  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**  
*Miu*  
**TS. Trần Văn Trung**



## Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### LÝ LỊCH KHOA HỌC

#### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: TRẦN THANH PHONG                      Giới tính: Nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 19/10/1981                      Nơi sinh: Tây Ninh  
Quê quán: Tây Ninh                      Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Thạc sĩ                      Năm, nước nhận học vị: 2011, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:                      Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Công nghệ thực phẩm, trường Đại học Thủ Dầu Một.

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 21, đường số 2, khu Tái định cư Phú Hòa 11, tổ 23, khu 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại liên hệ: CQ:                      NR:                      DD: 0902.827.208

Fax:                      Email: phongtt.khtn@tdmu.edu.vn

#### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành học: Sư phạm Toán

Nước đào tạo: Việt Nam                      Năm tốt nghiệp: 2003

Bằng đại học 2:                      Năm tốt nghiệp:

##### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Hình học – Tô pô                      Năm cấp bằng: 2011

Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiến sĩ chuyên ngành:                      Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tên luận án:

3. Ngoại ngữ:                      1. Tiếng Anh                      Mức độ sử dụng: Bình thường

#### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 9/2003 đến 8/2012	Trường THPT thuộc Sở giáo dục và Đào tạo Tỉnh Tây Ninh	Giáo viên

Từ 8/2012 đến 11/2013	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 11/2013 đến 8/2018	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phó Trưởng bộ môn Toán
Từ 8/2018 đến 2/2020	Khoa Khoa học Tự nhiên – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ 2/2020 đến nay	Khoa Khoa Công nghệ thực phẩm – Trường Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Hình học giải tích</i>	2014-2015	Trường	Thành viên
2	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Tài liệu ôn thi Olympic Toán đại số</i>	2016-2017	Trường	Thành viên
3	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Hình học affine và Euclide</i>	2017-2018	Trường	Chủ biên
4	Tài liệu hướng dẫn học tập: <i>Hình học xạ ảnh</i>	2019-2020	Trường	Chủ biên

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2020

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TRẦN THANH PHONG





2010-2016	Trường Trung cấp nghề KV Gò Công – Tiền Giang	Giáo viên
2016 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một – Bình Dương	Giảng viên

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Bình Dương, ngày 04 tháng 06 năm 2019

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Ths. Nguyễn Vũ Văn Trang







10/2010 đến nay	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT	GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU
09/2005-09/2010	TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG	GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Bài giảng Hình học Giải tích	2014/2015	Trường	Chủ nhiệm
2	Mô hình sự phosphoryl hóa của glucose bởi enzyme hexokinase I ở người	2020/2021	Trường	Chủ nhiệm

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Modelling hyaluronan degradation by Streptococcus pneumoniae hyaluronate lyase	2018	Mathematical Biosciences



Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 05 năm 2020

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



TS. MAI QUANG VINH

## Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### LÝ LỊCH KHOA HỌC

#### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: DANH HỨA QUỐC NAM                      Giới tính: nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1983                      Nơi sinh: Kiên Giang  
Quê quán: Kiên Giang                                      Dân tộc: Khmer  
Học vị cao nhất: Thạc sĩ                                      Năm, nước nhận học vị: 2010, VN  
Chức danh khoa học cao nhất:                              Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phó Trưởng phòng  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phòng Khoa học, Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 269/27 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại liên hệ: CQ:                                      NR:                                      DD: 0944.289.517  
Fax:    Email: namdhq@tdmu.edu.vn

#### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Trường Đại học Cần Thơ; Ngành học: Sư phạm Toán Tin; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2005;  
- Bằng đại học 2:.....; Năm tốt nghiệp:

##### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Năm cấp bằng: 2010; Nơi đào tạo: Trường Đại học Thủ Dầu Một  
- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....  
Tên luận án:....

3. Ngoại ngữ:    1. Tiếng Anh                                      Mức độ sử dụng: Đạt yêu cầu  
                          2.    Mức độ sử dụng:

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 9/2005 đến 8/2010	Trường THPT Long Thạnh, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Giáo viên
Từ 10/2010 đến 8/2011	Phòng Khoa học Công nghệ – Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Chuyên viên
Từ 8/2011 đến 6/2012	Phòng Sau đại học và Khoa học Công nghệ – Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Phó Trưởng phòng
Từ 6/2012 đến nay	Phòng Khoa học Công nghệ (nay là phòng Khoa học) – Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Phó Trưởng phòng

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

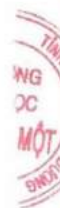
#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Tổ chức dạy học Toán cao cấp (2) theo hướng phát huy tính tích cực, tự học, tự khám phá, tìm tòi (CNĐT: ThS. Nguyễn Văn Khoái, ThS. Danh Hứa Quốc Nam)	Từ 10/2011 đến 10/2012	Cấp cơ sở, Trường ĐH Thủ Dầu Một	Thành viên
2	Xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ khoa học công nghệ Trường Đại học Thủ Dầu Một (CNĐT: ThS. Đinh Thị Thu Hương, ThS. Cao Thanh Xuân, ThS. Danh Hứa Quốc Nam)	Từ 12/2013 đến 6/2015	Cấp cơ sở, Trường ĐH Thủ Dầu Một	Thành viên

DANH  
TRỰC  
ĐẠI H  
TỰ DẦU  
\*



TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
3	Biện pháp quản lý hoạt động khoa học và công nghệ Trường Đại học Thủ Dầu Một (CNĐT: TS. Trần Văn Trung, ThS. Danh Hứa Quốc Nam, ThS. Nguyễn Xuân Hào, CN. Tống Thị Phương Thảo)	Từ 7/2014 đến 7/2015	Cấp cơ sở, Trường ĐH Thủ Dầu Một	Thành viên
4	Khảo sát một số bài toán ngược và không chỉnh phi tuyến (Tên tiếng Anh: Study of some nonlinear inverse and ill-posed problems) (CNĐT: PGS-TS. Nguyễn Huy Tuấn, ThS. Lê Đình Long, ThS. Trần Bảo Ngọc, ThS. Võ Văn Âu, ThS. Danh Hứa Quốc Nam)	Từ 2020 đến 2023	Cấp ĐHQG-HCM, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Thành viên



## 2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Huy Tuan Nguyen, Mokhtar Kirane, <b>Nam Danh Hua Quoc</b> and Van Au Vo, "Approximation of an Inverse Initial Problem for a Biparabolic Equation."	2018	<i>Mediterranean Journal of Mathematics</i> (ISSN 1660-5446, 1660-5454; SCIE) <a href="https://doi.org/10.1007/s00009-017-1053-0">https://doi.org/10.1007/s00009-017-1053-0</a>
2	<b>Nam Danh Hua Quoc</b> , Can Nguyen Huu, Au Vo Van and Binh Tran	2018	<i>ITM Web of Conferences</i> 20, 02006, 2018 (eISSN: 2271-2097) <a href="https://doi.org/10.1051/itmconf/2018">https://doi.org/10.1051/itmconf/2018</a>

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Thanh, "On inverse problem for a class of fourth order strongly damped wave equations."		2002006
3	Nguyen Huy Tuan, <b>Danh Hua Quoc Nam</b> , Thi Minh Nhat Vo, "On a backward problem for the Kirchhoff's model of parabolic type."	2019	<i>Computers &amp; Mathematics with Applications</i> (ISSN 0898-1221; SCI) <a href="https://doi.org/10.1016/j.camwa.2018.08.072">https://doi.org/10.1016/j.camwa.2018.08.072</a>
4	<b>Hua Quoc Nam</b> <b>Danh</b> , Donal O'Regan, Van Au Vo, Binh Thanh Tran, Can Huu Nguyen, "Regularization of an initial inverse problem for a biharmonic equation."	2019	<i>Advances in Difference Equations</i> (ISSN 1687-1847; SCIE) <a href="https://doi.org/10.1186/s13662-019-2191-4">https://doi.org/10.1186/s13662-019-2191-4</a>
5	<b>Danh Hua Quoc Nam</b> , Vo Van Au, Nguyen Huy Tuan, and Donal O'Regan, "Regularization of a final value problem for a nonlinear biharmonic equation."	2019	<i>Mathematical Methods in the Applied Sciences</i> (ISSN 1099-1476, 01704214; SCIE) <a href="https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/mma.5771?af=R">https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/mma.5771?af=R</a>
6	Tran Thanh Binh, Nguyen Huu Can, <b>Danh Hua Quoc Nam</b> , and Tran Ngoc Thach, "Regularization of a two-dimensional strongly damped wave equation with statistical discrete data."	2020	<i>Mathematical Methods in the Applied Sciences</i> (ISSN 1099-1476, 01704214; SCIE) <a href="https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/mma.6195">https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/mma.6195</a>

Xác nhận của cơ quan



Bình Dương, ngày tháng năm

Người khai kí tên

ThS. Danh Hứa Quốc Nam

Ngày tháng năm 2020

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH<sup>2</sup>**

Tên ngành: Toán kinh tế. Mã số: 7310108

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của Trường	Ghi chú
	1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Đạt	
	2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Đạt	
	3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Đạt	
	5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	Đạt	
2	<b>Đội ngũ giảng viên</b>	Đạt	
	1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo		
	2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	Đạt	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	Đạt	
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).	Đạt	

<sup>2</sup> Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3	<b>Cơ sở vật chất</b> 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	Đạt	
4	<b>Chương trình đào tạo</b> 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	Đạt	
5	<b>Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng</b> 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)	Đạt	

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

## KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực

Chương trình Toán kinh tế, khoa Công nghệ thực phẩm, trường Đại học Thủ Dầu Một đã triển khai khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019, kết quả cụ thể như sau:

### 1. Tình hình chung

Tổng số sinh viên tốt nghiệp (SVTN) đại học hệ chính quy năm 2019 của Chương trình là 23 sinh viên. Chương trình Toán kinh tế đã tiến hành khảo sát tình trạng việc làm đối với tất cả sinh viên đã tốt nghiệp với 4 phương thức khảo sát: Phát phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp, gửi email và gọi điện phỏng vấn. Trong số 23 sinh viên được khảo sát có phản hồi.

### 2. Kết quả khảo sát

#### 2.1. Tình hình việc làm

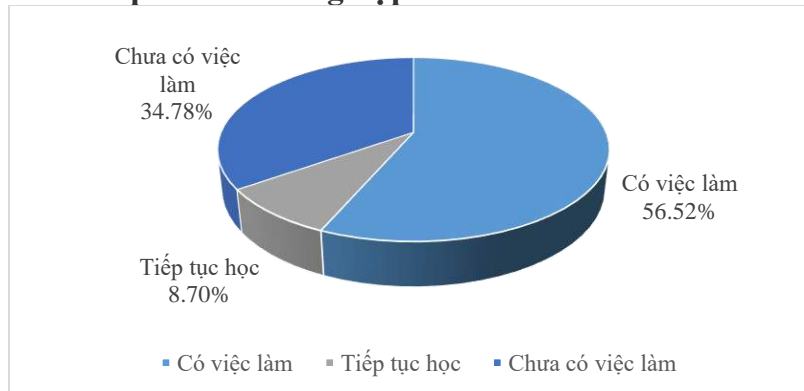
Tình hình việc làm của SVTN năm 2019 trình độ đào tạo đại học hệ chính quy được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Tình trạng việc làm của SVTN năm 2019

Trình độ	Tổng số SVTN trả lời khảo sát	Có việc làm		Tiếp tục học		Chưa có việc làm	
		SL	%	SL	%	SL	%
Đại học	23	13	56.52%	2	8.70%	8	34.78

Trong Bảng 1 có 56.52% có thông tin phản hồi đã có việc làm; 8.70% SVTN tiếp tục đi học nâng cao trình độ; 34.78% SVTN chưa có việc làm. Như vậy tỷ lệ SVTN có việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao là: 65.22%

#### Biểu đồ phân tích tổng hợp



*Biểu đồ 1: Biểu đồ phân tích tổng hợp tình trạng việc làm của SVTN năm 2019*

## **2.2. Khu vực làm việc của sinh viên**

Khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp được chi tiết ở Bảng 2.

**Bảng 2: Bảng phân tích khu vực việc làm của SVTN năm 2019**

Trình độ	Tổng số SVTN có việc làm trả lời khảo sát	Nhà nước		Tư nhân		Liên doanh nước ngoài		Tự tạo việc làm	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đại học	13	16	0	7	53.85	6	46.15	0	0

Trong Bảng 2 có 0% thông tin sinh viên phản hồi đang làm việc tại khu vực nhà nước; 53.85% làm việc tại khu vực tư nhân; 46.15% làm việc liên doanh với nước ngoài và 0% tự tạo việc làm.

## **2.3. Mức lương bình quân hàng tháng từ công việc**

Trong số 1.111 sinh viên tốt nghiệp có phản hồi về tình trạng việc làm, có 830 sinh viên tốt nghiệp phản hồi về mức lương hàng tháng, cụ thể:

**Bảng 3: Mức lương bình quân hàng tháng**

Trình độ	Tổng số SVTN trả lời khảo sát về mức lương/tháng	Dưới 5tr đồng		Từ 5tr đến 7tr đồng		7tr đến 10tr đồng		10tr trở lên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đại học	11	2	18.18	1	9.09	8	72.73	0	0

Theo Bảng 3 thống kê cho thấy mức lương bình quân hàng tháng từ 7 triệu đồng đến trên 10 triệu đồng chiếm tỉ lệ cao nhất 72.73%; dưới 5 triệu đồng chiếm tỉ lệ 18.18%; từ 5 triệu đồng đến 7 triệu đồng chiếm 9.09%, mức lương hơn 10 triệu đồng chiếm 0%.

# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ ngành ... để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Chi Nhánh Công Ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam
2. Địa chỉ: Số 11 đường Thích Quảng Đức, Phú Hòa , TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
3. Số điện thoại : 0913199776 Email: canhn3579@gmail.com
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị : Hoạt động Kiểm toán

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2017-2020 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2021-2025 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	10	10
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành...		

..... ngày..... tháng..... năm 2020

## ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

Giám đốc



Nguyễn Cảnh



# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Toán kinh tế để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: **CÔNG TY BẢO HIỂM PVI BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ: 48 Hoàng Văn Thụ, P. Chánh Nghĩa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại: 0274.3872528 Email:
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Kinh doanh bảo hiểm

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2027 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	2	4
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	4	7

Bình Dương, ngày 12 tháng 05 năm 2020

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trần Công Danh*



# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Toán kinh tế để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Tinh dầu Vạn Long
- Địa chỉ: 196/41, Đường N11, KP3, Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Số điện thoại : 0986.977.084 Email: tinhdauvanlong@gmail.com
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất và kinh doanh tinh dầu thiên nhiên

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2027 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	3	5
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	5	8

Bình Dương, ngày 13 tháng 5 năm 2020  
**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**  
(Ký tên đóng dấu)



Thái Văn Bì

# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ ngành **Toán Kinh Tế** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị : Công Ty TNHH Sách Á Châu
- Địa chỉ : 46 Lê Lợi, P. Đakao, Q.1, Tp HCM
- Số điện thoại : +84 28 39103518 Email: [info@artbook.com.vn](mailto:info@artbook.com.vn)
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Nhập khẩu và kinh doanh xuất bản phẩm.

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2027 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành <b>Toán Kinh Tế</b>	5	6
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành <b>Toán Kinh Tế</b>	1	1

Tp Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng..... năm 2020

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**

Ký tên đóng dấu)



Bùi Thị Ngọc Hạnh  
Phó Giám Đốc



# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Toán kinh tế để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TRƯỜNG LỮ
2. Địa chỉ: Số 29 Đường Số 2 Khu TẠC PHU Hố 11 Phường Phú Lợi Thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương
3. Số điện thoại: 0272.556.129 Email: Xy.dung.huong@xy.dung.com.vn
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Xây dựng, tư vấn

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2027 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	02	02
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	02	02

Bình Dương..... ngày 14 tháng 5 năm 2020  
**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**



Dặng Văn Tiên

# PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Toán kinh tế để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

## A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: Hạt giống Dương Quá
- Địa chỉ: 4/29 dx002, kp7, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại: 0767872391 Email: hvhieu001@gmail.com
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: mua bán hạt giống, hoa và cây trồng.

## B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

TT	Nội dung khảo sát	Giai đoạn 2020-2023 (số lượng nhân sự)	Giai đoạn 2024-2027 (số lượng nhân sự)
1	Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	4	10
2	Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Toán kinh tế	10	20

Bình Dương ngày 14 tháng 5 năm 2020

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**

(Ký tên đóng dấu)

Hạt giống Dương Quá  
MST : 8189919722  
4/29 dx002, kp7, phường Phú Mỹ,  
tp Thủ Dầu Một, Bình Dương

Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo  
và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHỦ TRÌ SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ  
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>
1.	TS.Võ Viết Trí	Trưởng khoa	Trưởng nhóm	Toán kinh tế
2.	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Giám đốc chương trình	Thành viên	Toán Kinh tế
3.	ThS. Ngô Lê Hồng Phúc	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
4.	ThS. Huỳnh Ngọc Diễm	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
5.	ThS. Lê Thị Thu	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
6.	ThS. Lê Quang Long	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
7.	TS. Mai Quang Vinh	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
8.	ThS. Bùi Thị Ngọc Hân	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
9.	ThS. Nguyễn T. Khánh Hòa	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
10.	ThS. Dương Thanh Huyền	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
11.	ThS. Nguyễn Minh Điện	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
12.	ThS. Nguyễn Thị Linh	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
13.	ThS. Trần Thanh Phong	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
14.	ThS. Nguyễn Vũ Vân Trang	Giảng viên	Thành viên	Toán Kinh tế
15.	ThS. Huỳnh Văn Hiếu	Giảng viên/Thư kí chương trình	Thành viên	Toán Kinh tế



Số: /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo  
và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

**HIỆU TRƯỞNG**

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>
1		Lãnh đạo trường		
2		Phòng ban		
3	Võ Viết Trí	Trưởng khoa		Toán kinh tế
4	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giám đốc chương trình		Toán kinh tế
5	Huỳnh Ngọc Diễm	Thư kí		Toán kinh tế



*Bình Dương, ngày tháng năm 2020*

## **KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo: Toán kinh tế

Mã ngành: 7310108

### **I. Thời gian và địa điểm**

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày tháng năm

- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

### **II. Thành phần tham dự**

- Theo Quyết định số .....QĐ - ĐHTDM ngày ..... của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

### **III. Nội dung**

#### **1) Tuyên bố lý do**

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Toán kinh tế (sau đây gọi tắt là Chương trình)**.

#### **2) Thông qua nội dung và ý kiến**

ThS. Nguyễn ... thư ký Hội đồng, báo cáo tóm tắt về Chương trình. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận, xem xét các yêu cầu theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22) và nhận thấy Chương trình đều đáp ứng đầy đủ theo TT22

100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.

Cuộc họp kết thúc lúc ..... giờ cùng ngày.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(ký, ghi rõ họ tên)

**THƯ KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên)